

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

ĐỖ HOÀNG TRỌNG

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC PHÂN HÓA
Ở CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2016

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

ĐỖ HOÀNG TRỌNG

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC PHÂN HÓA
Ở CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Chuyên ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Mã số: 60.14.01.14

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nông Khánh Bằng

THÁI NGUYÊN - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của TS. Nông Khánh Bằng. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong luận văn này là trung thực và chưa từng được công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung luận văn của mình.

Tác giả luận văn

Đỗ Hoàng Trọng

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS Nông Khánh Bằng, người đã tận tâm giúp đỡ, hướng dẫn, động viên tác giả trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Trong quá trình nghiên cứu tác giả đã nhận được sự chỉ đạo, động viên, đóng góp ý kiến của các thầy cô, các nhà khoa học trong khoa Tâm lý giáo dục, sự chỉ đạo động viên của các thầy cô trong Khoa Sau đại học. Tác giả xin chân thành cảm ơn các thầy, cô đã tạo điều kiện giúp đỡ tác giả hoàn thành luận văn này. Xin chân thành cảm ơn trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên đã tạo điều kiện tốt nhất cho tác giả được học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Xin chân thành cảm ơn Sở Giáo dục và đào tạo Hải Dương, Ban Tuyên giáo huyện ủy Ninh Giang, Phòng giáo dục huyện Ninh Giang, các trường THPT trong huyện đã cung cấp cho tác giả các nguồn tài liệu nghiên cứu.

Tác giả cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới sự giúp đỡ tận tình của các bạn đồng nghiệp, các bạn cùng khóa học trong lớp Cao học Quản lý giáo dục K22 đã nhiệt tình đóng góp ý kiến, những người thân trong gia đình đã tạo mọi thời gian cho tác giả hoàn thành luận văn đúng tiến độ.

Tuy nhiên, nội dung trình bày trong luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô, các nhà khoa học và các bạn.

Tác giả luận văn

Đỗ Hoàng Trọng

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục.....	iii
Danh mục các chữ viết tắt	iv
Danh mục các bảng	v
MỞ ĐẦU.....	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	2
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	2
5. Giả thuyết khoa học	3
6. Phạm vi nghiên cứu	3
7. Phương pháp nghiên cứu	3
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC PHÂN HÓA TRONG TRƯỜNG THPT	4
1.1. Tổng quan lịch sử vấn đề nghiên cứu	4
1.1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về dạy học phân hóa và quản lý dạy học phân hóa ở nước ngoài	4
1.1.2. Tổng quan dạy học phân hóa và quản lý dạy học phân hóa ở Việt Nam.....	5
1.2. Một số khái niệm cơ bản	7
1.3. Đặc điểm của dạy học phân hóa	10
1.4. Một số vấn đề về quản lý hoạt động DHPH ở trường THPT hiện nay.....	12
1.4.1. Đặc điểm chương trình giáo dục THPT nước ta hiện nay.....	12
1.4.2. Định hướng đổi mới chương trình giáo dục THPT sau 2018.....	12
1.4.3. Vai trò của Hiệu trưởng trong quản lý dạy học phân hoá	15
1.4.4. Nội dung cơ bản của quản lý hoạt động dạy học phân hóa trong trường THPT ...	15
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý dạy học phân hóa ở trường THPT.....	23
1.5.1. Các yếu tố chủ quan	23
1.5.2. Các yếu tố khách quan.....	24

Kết luận chương 1	25
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC PHÂN HÓA Ở CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG.....	26
2.1. Khái quát đặc điểm, kinh tế - xã hội và giáo dục huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	26
2.1.1. Đặc điểm, kinh tế huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương	26
2.1.2. Văn hoá - Giáo dục.....	26
2.1.3. Giáo dục THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	27
2.2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học phân hóa ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	34
2.2.1. Thực trạng quản lý xây dựng và thực hiện kế hoạch	34
2.2.2. Thực trạng quản lý nội dung chương trình và phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh.....	37
2.2.3. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học của giáo viên	43
2.2.4. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh.....	51
2.2.5. Thực trạng việc QL việc kiểm tra, đánh giá của cán bộ quản lý	54
2.2.6. Thực trạng QL các điều kiện hỗ trợ hoạt động dạy học phân hóa.....	56
2.3. Đánh giá chung	58
2.3.1. Những mặt mạnh.....	58
2.3.2. Những mặt hạn chế.....	59
2.3.3. Nguyên nhân của những thành công và những hạn chế trong quản lý hoạt động dạy học phân hóa của các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương ..	61
Kết luận chương 2.....	63
Chương 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC PHÂN HÓA Ở CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG.....	65
3.1. Những định hướng phát triển giáo dục của huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương trong những năm tới	65
3.2. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp.....	67
3.3. Các biện pháp quản lý dạy học phân hoá ở trường THPT	66

3.3.1. Nâng cao năng lực nhận thức, trách nhiệm và trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh học sinh về dạy học phân hóa	67
3.3.2. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chuyên môn và GV trong quá trình thực hiện dạy học phân hoá.....	69
3.3.3. Tổ chức cho GV cam kết chất lượng dạy học	75
3.3.4. Thường xuyên giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết chất lượng của giáo viên	76
3.3.5. Xây dựng các điều kiện hỗ trợ cho dạy học phân hóa	77
3.4. Mối quan hệ giữa các biện pháp QL dạy học phân hóa	79
3.5. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp	79
Kết luận chương 3	82
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	85
1. Kết luận	85
2. Khuyến nghị.....	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải nghĩa
CBGV	Cán bộ giáo viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CNH - HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CSVČ	Cơ sở vật chất
DH	Dạy học
DHPH	Dạy học phân hóa
GD	Giáo dục
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
KHTN	Khoa học tự nhiên
PPDH	Phương pháp dạy học
QL	Quản lý
QLDH	Quản lý dạy học
QLGD	Quản lý giáo dục
SGK	Sách giáo khoa
TBDH	Thiết bị dạy học
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Số trường, phòng học, lớp học, học sinh, giáo viên	27
Bảng 2.2a: Quy mô phát triển của nhà trường từ năm học 2010 đến năm học 2015.....	28
Bảng 2.2b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường THPT Ninh Giang từ năm học 2010 đến năm học 2015	28
Bảng 2.3a: Quy mô phát triển của nhà trường từ năm học 2010 đến năm học 2015.....	29
Bảng 2.3b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường THPT Quang Trung từ năm học 2010 đến năm học 2015	29
Bảng 2.4a: Quy mô phát triển của nhà trường từ năm học 2010 đến năm học 2015	30
Bảng 2.4b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường THPT Khúc Thừa Dụ từ năm học 2010 đến năm học 2015	30
Bảng 2.5a: Quy mô phát triển của nhà trường từ năm học 2010 đến năm học 2015	31
Bảng 2.5b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường THPT Ninh Giang 2 từ năm học 2010 đến năm học 2015	31
Bảng 2.6a: Quy mô phát triển của nhà trường từ năm học 2010 đến năm học 2015	32
Bảng 2.6b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường THPT Hồng Đức từ năm học 2010 đến năm học 2015	32
Bảng 2.7: Số lượng trường lớp, học sinh THPT huyện Ninh Giang trong năm học 2014 - 2015	33
Bảng 2.8: Kết quả hai mặt giáo dục học sinh THPT của huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương năm học 2014 – 2015	33
Bảng 2.9: Tổng hợp ý kiến đánh giá nhận thức của CBQL về xây dựng kế hoạch dạy học phân hóa.....	36
Bảng 2.10: Tổng hợp ý kiến đánh giá nhận thức của CBQL về mức độ thực hiện QL nội dung chương trình	38
Bảng 2.11: Tổng hợp ý kiến đánh giá của GV về nhận thức và mức độ thực hiện DHPH ở trường THPT hiện nay	40
Bảng 2.12: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.....	42

Bảng 2.13: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về nhận thức và mức độ thực hiện công tác phân công GV giảng dạy	44
Bảng 2.14: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về nhận thức và mức độ thực hiện công tác QL soạn bài, chuẩn bị giờ lên lớp của GV	46
Bảng 2.15: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về nhận thức và mức độ thực hiện công tác quản lý giờ lên lớp của GV	48
Bảng 2.16: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL chuyên môn về nhận thức và mức độ thực hiện công tác QL sinh hoạt tổ chuyên môn và hồ sơ chuyên môn.....	50
Bảng 2.17: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về công tác QL hoạt động học tập của HS.....	53
Bảng 2.18: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về mức độ cần thiết và mức độ thực hiện công tác quản lý việc kiểm tra, đánh giá của cán bộ quản lý.....	55
Bảng 2.19: Tổng hợp ý kiến của CBQL về mức độ nhận thức và mức độ thực hiện công tác quản lý CSVC trường học.....	57
Bảng 3.1: Tổng hợp kết quả khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất	82

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong bối cảnh đất nước ta đang thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH-HĐH) với mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam sẽ trở thành nước công nghiệp, hội nhập với cộng đồng quốc tế. Nhân tố quyết định sự thành công ấy là nguồn lực con người. Công việc này được bắt đầu từ giáo dục phổ thông, mà trước hết phải bắt đầu từ việc xác định mục tiêu đào tạo. Trong Luật Giáo dục Việt Nam đã chỉ rõ: "Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản nhằm hình thành nhân cách con người Việt Nam XHCN, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Trong bối cảnh đó, giáo dục cần phải đổi mới mạnh mẽ để đào tạo con người đáp ứng yêu cầu mới như: biết thích ứng với tình hình mới, chủ động, sáng tạo, phát huy tinh thần tự lực tự cường trong lao động và học tập.

Trong những năm qua, ngành giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), đổi mới quản lý dạy học (QLDH) đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Một trong những nguyên tắc sư phạm quan trọng để nâng cao hiệu quả dạy học là dạy học phân hóa (DHPH) học sinh. Điều đó tạo điều kiện tốt nhất cho từng cá nhân trong học tập. Sự khẳng định này được dựa trên cơ sở về sự tồn tại khách quan, căn cứ vào đặc điểm tâm lí, thể chất, năng lực của từng cá nhân, điều kiện học tập... Do đó DHPH là xu thế tất yếu của giáo dục (GD) nước ta trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Quan điểm DHPH với mục đích đem lại sự công bằng, dân chủ trong GD, đáp ứng đặc điểm của từng đơn vị để hướng đến xây dựng môi trường học tập mới, người học tùy theo năng lực đặc điểm cá nhân, có được các cơ hội lựa chọn để phát triển.

Ở nước ta, dạy học theo quan điểm DHPH đã và đang được nghiên cứu và áp dụng. Chương trình GD từng bước được thiết kế theo hướng mở, giao quyền tự chủ cho các cơ sở GD, các tổ nhóm chuyên môn trong nhà trường, tạo điều kiện cho GV

sáng tạo hơn trong thiết kế bài dạy, HS có điều kiện lựa chọn nội dung học theo khả năng của mình. Kết quả GD đảm bảo được nguyên tắc kết hợp giữa GD đại trà và GD mũi nhọn, giữa tính phổ cập và nâng cao trong GD. Trong đó coi trọng GD trình độ chung cho các HS, sử dụng phân hóa để đưa HS yếu kém lên trình độ chung, giúp HS khá giỏi đạt kết quả cao hơn.

Các trường THPT ở huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cũng đã bước đầu tiếp cận và áp dụng DPHP để đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành sau năm 2015. Tuy nhiên năng lực tổ chức, quản lí (QL) cũng như các điều kiện để tổ chức QL DPHP ở các trường THPT huyện Ninh Giang còn nhiều hạn chế. Việc tìm ra các biện pháp QL DPHP trong các trường THPT huyện Ninh Giang là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu.

Xuất phát từ những vấn đề đặt ra, tác giả lựa chọn vấn đề "*Quản lý hoạt động dạy học phân hóa ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương*" làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về QL DPHP ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, từ đó đề xuất các biện pháp QL DPHP nhằm góp phần nâng cao chất lượng DH ở trường THPT trong huyện.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Quản lý hoạt động dạy học ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Biện pháp quản lý DPHP ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Nghiên cứu lý luận về quản lý DPHP ở trường THPT.

4.2. Khảo sát thực trạng quản lý DPHP ở các trường THPT trên địa bàn huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

4.3. Đề xuất các biện pháp quản lý DPHP ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

5. Giả thuyết khoa học

Thực tế quản lý DPHH ở các trường THPT hiện nay ở huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương chưa được quan tâm và còn nhiều điểm bất cập.

Nếu đề xuất được các biện pháp DPHH một cách phù hợp thì chất lượng DH ở trường THPT sẽ được nâng cao.

6. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu một số biện pháp quản lý DPHH ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận.

Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá... các tài liệu có liên quan để xác định cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1. Phương pháp quan sát: Được thực hiện bằng việc tiếp xúc và xem xét để thu thập thông tin về thực tế QL DPHH ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Từ đó xác định được thực trạng công tác QL DPHH, đánh giá sự phù hợp giữa phương pháp quan sát và phương pháp điều tra.

7.2.2. Phương pháp điều tra: Thực hiện bằng phiếu điều tra, thông qua việc xây dựng hệ thống câu hỏi điều tra đối với khách thể là CBQL, GV và tổ trưởng để nghiên cứu thực trạng DPHH ở các trường THPT huyện Ninh Giang

7.2.3. Phương pháp chuyên gia: Được thực hiện bằng các cuộc tọa đàm, trao đổi với các CBQL là các Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng các tổ trưởng chuyên môn trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng QL hoạt động DPHH ở các trường THPT.

7.2.4. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: Tổng kết kinh nghiệm từ sự nghiên cứu lý luận và thực tiễn QL hoạt động DPHH ở trường THPT, rút ra thực trạng công tác QL hoạt động DPHH ở các trường THPT huyện Ninh Giang, để đề xuất những biện pháp phù hợp.

7.2.5. Phương pháp thống kê: Nhằm mục đích, xử lý các số liệu điều tra qua các phiếu trưng cầu ý kiến, phân tích, nghiên cứu, đánh giá được mức độ tin cậy của số liệu.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC PHÂN HÓA TRONG TRƯỜNG THPT

1.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về dạy học phân hóa và quản lý dạy học phân hóa ở nước ngoài

Ở thời kỳ văn hóa phục hưng, J.A.Cômenxki – nhà giáo dục, nhà sư phạm người Séc, ông rất quan tâm đến PPDH, nguyên tắc tổ chức DH và hình thức tổ chức DH. Về PPDH, ông cho rằng quá trình DH để truyền thụ và tiếp nhận tri thức là phải dựa vào sự vật, hiện tượng do HS quan sát, tự suy nghĩ mà hiểu biết, không nên dùng quyền uy để bắt buộc. Về nguyên tắc DH, ông đưa ra những nguyên tắc: trực quan; phát huy tính tích cực của HS; củng cố kiến thức; nguyên tắc DH theo khả năng tiếp thu của HS. Về hình thức tổ chức DH, ông đưa ra hình thức DH trên lớp, đây là một sáng kiến vĩ đại có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Tư tưởng giáo dục của J.A.Cômenxki là cơ sở lý luận để nghiên cứu và hoàn thiện quá trình DH trong các nhà trường. Những vấn đề J.A.Cômenxki đưa ra vẫn còn ý nghĩa tích cực đối với lý luận DH hiện đại. [2]

Trong giai đoạn hiện nay, việc nâng cao chất lượng DH trong các nhà trường đã trở thành vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Một trong những biện pháp để nâng cao chất lượng DH trong các nhà trường là DHPH.

Dưới đây là một số hình thức DHPH đã và đang được sử dụng ở bậc THPT của một số nước trên thế giới.

Ở nước Pháp: Để tiến hành phân luồng HS từ cuối cấp THCS việc phân hóa được thực hiện phân ban và dạy tự chọn. Có hai ban, mỗi ban đều có các môn học bắt buộc, các môn tự chọn bắt buộc và các môn tùy chọn. Ở lớp 10 THPT phân hóa theo hình thức dạy tự chọn, lớp 11 và 12 thực hiện phân ban kết hợp với tự chọn. Có ba ban: ban ngôn ngữ hiện đại; ban kinh tế và khoa học xã hội; ban khoa học.

Ở nước Nga: Bậc THPT chỉ có 2 lớp: lớp 10 và lớp 11, việc DHPH thực hiện bằng cách kết hợp phân ban với giáo trình tự chọn. Có ba ban là ban Nhân văn; ban

Toán - Khoa học tự nhiên và ban Công nghệ. Chương trình mỗi ban đều bao gồm một số môn bắt buộc và một số giáo trình tự chọn.

Ở Trung Quốc: Kế hoạch DH đã hình thành các môn học tự chọn, nội dung các môn tự chọn dựa trên cơ sở nhu cầu của HS; nhu cầu của xã hội, điều kiện của từng trường. Các môn học trang bị cho HS những kiến thức và kỹ năng cần thiết để HS có khả năng tham gia lao động, hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

Ở nước Mỹ: Bậc trung học có nhiều loại hình trường, chủ yếu có 3 nhóm chính: nhóm các trường trung học bậc thấp và tiếp nối là trung học bậc cao; nhóm các trường trung học tiếp nhận HS hết lớp 4 và học tiếp 4 năm để vào trường trung học bậc cao; nhóm loại hình trường kết hợp với thời gian đào tạo 6 năm. Có nhiều loại hình khác nhau và giáo dục phổ thông bao gồm 12 năm. Chương trình GD phổ thông được thực hiện ở cấu trúc chương trình đào tạo theo các môn bắt buộc và tự chọn.

Ở Nhật Bản: Chương trình giảng dạy ở cấp III theo hệ thống tín chỉ, mỗi môn học gồm một số tín chỉ, mỗi tín chỉ gồm 5 tiết học. Các môn học có hai loại: bắt buộc và tự chọn. Để tốt nghiệp cấp III, HS phải đạt được tổng số tín chỉ bắt buộc, và tín chỉ các môn tự chọn theo quy định.

Từ thực tế GD của các nước đã nêu có thể rút ra nhận xét sau:

- Tất cả các nước phát triển và các nước đang phát triển trên thế giới đều thực hiện DPH ở bậc trung học. Xu hướng DPH ở nhiều nước được thực hiện bằng cách định hướng hoặc phân luồng cho các môn học tự chọn.

- Thực hiện DPH bằng phân ban kết hợp với tự chọn hoặc hoàn toàn tự chọn đòi hỏi phải đáp ứng những yêu cầu sau: Trình độ và năng lực QL của người làm công tác QLGD; đội ngũ GV phải có chuyên môn vững vàng; CSVC trường học phải đầy đủ và hiện đại; phải có nguồn tài chính thích hợp.

1.1.2. Tổng quan về dạy học phân hóa và quản lý dạy học phân hóa ở Việt Nam

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, ở miền Bắc hệ thống GD được kế thừa từ thời Pháp thuộc. Hệ thống GD phổ thông với cấp tiểu học 4 năm và cấp trung học 7 năm, trong đó trung học bậc cao được chia làm 3 ban: Toán - Lí - Hóa, Lí - Hóa - Sinh, Văn - Sử - Địa.

Những năm 80 của thế kỷ XX, chương trình cải cách GD phổ thông phải điều chỉnh theo hướng giảm nhẹ và không phân ban ở THPT. Đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân tài, thi vào các trường đại học, cao đẳng vì vậy ở các địa phương đều hình thành hệ thống trường chuyên. Quan điểm phân hóa đối tượng người học đã dần dần thay thế quan niệm cũ mang tính đại trà, đồng loạt.

Tháng 12 năm 1992, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ra Quyết định tổ chức thi điểm phân hóa bằng hình thức phân ban, được thực hiện từ năm học 1993-1994 với 3 ban: ban khoa học tự nhiên (KHTN) - ban A, ban khoa học tự nhiên – kỹ thuật (ban B), ban khoa học xã hội (KHXH) - ban C.

Từ năm học 2003-2004 thực hiện với 2 ban, ban KHTN (ban A) và ban KHXH (ban C) và các môn tự chọn. Từ năm học 2006-2007, Bộ GD&ĐT quyết định tiến hành phân ban từ lớp 10, có điều chỉnh thành 3 ban: Ban KHTN, ban KHXH và ban cơ bản. Dù hình thức như thế nào cũng là sự vận dụng nguyên tắc phân hóa trong DH vì mục đích đào tạo nhân tài cho đất nước.

Hiện nay, nước ta đang tiến hành CNH-HĐH với mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam trở thành nước công nghiệp, hội nhập với quốc tế. Với xu thế chung của thế giới, nước ta thực hiện việc phân hóa trong GD phổ thông bằng hình thức phân ban kết hợp với tự chọn. Qua các lần phân ban và điều chỉnh phân ban cùng với kết quả đạt được cho thấy GD phổ thông còn nhiều lung túng, kết quả đạt được còn nhiều hạn chế.

Qua nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện DPHP ở trường THPT trong những năm qua cho thấy:

- Về chủ trương phân hóa là đúng đắn, đáp ứng được nguyện vọng của HS, phù hợp với nhu cầu đa dạng của HS và các trường THPT hiện nay.

- Về tình hình thực hiện DPHP, về cơ bản HS có khả năng đáp ứng được yêu cầu của chương trình và SGK, các em đã làm quen với phương pháp học tập tích cực. Về phía GV, đa số có thể dạy được chương trình, SGK hiện hành. Dạy học các môn tự chọn được thực hiện rất đa dạng, theo nhiều hướng, dựa theo thực tế nhà trường, căn cứ vào nhu cầu của HS.

- Về điều kiện DPHP, các trường còn có những hạn chế: năng lực của GV, cán bộ phụ trách thiết bị thí nghiệm; chưa kịp thời tập huấn, bồi dưỡng GV; nhiều trường

còn thiếu phòng học bộ môn... cấp trên ban hành các văn bản chỉ đạo chưa kịp thời, thực hiện chương trình tự chọn còn lúng túng.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Dạy học

Theo tác giả Phạm Viết Vượng, DH là một bộ phận của quá trình sư phạm, với một nội dung khoa học, được thực hiện theo một phương pháp sư phạm đặc biệt, do nhà trường tổ chức, GV thực hiện nhằm giúp HS nắm vững hệ thống kiến thức khoa học và hình thành hệ thống kỹ năng hoạt động, nâng cao trình độ học vấn, phát triển trí tuệ và hoàn thiện nhân cách. [29, tr.15]

Theo tác giả Phạm Minh Hạc, *“Dạy học là một chức năng xã hội, nhằm truyền đạt và lĩnh hội kiến thức, kinh nghiệm xã hội đã tích lũy được, nhằm biến kiến thức, kinh nghiệm thành phẩm chất và năng lực cá nhân”*. [4, tr.5]

Theo tác giả Nguyễn Kế Hào, Nguyễn Quang Uẩn: *“Hoạt động DH của GV bao giờ cũng gắn với hoạt động học của HS, hai hoạt động này có mối quan hệ biện chứng với nhau, hoạt động dạy của GV được thực hiện hướng theo logic hoạt động của HS, tác động đến hoạt động học, đồng thời hoạt động học của HS chịu sự chi phối của hoạt động dạy và có tác động kích thích, điều chỉnh hoạt động dạy của GV. Trong thực tế, những GV có kinh nghiệm, có chuyên môn tốt đã biết vận dụng mối quan hệ có tính quy luật này”*. [5, tr.34]

Từ các quan điểm trên có thể thấy DH bao gồm hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS, chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau.

Hoạt động dạy là quá trình điều khiển, hướng dẫn học trò chiếm lĩnh tri thức, hình thành nhân cách cho học trò. Hoạt động dạy có chức năng khép kín là truyền đạt thông tin DH và điều khiển hoạt động học.

Hoạt động học là quá trình trong đó dưới sự định hướng của GV, người học tự giác, tích cực, chủ động, độc lập tiếp thu tri thức, kinh nghiệm của nhân loại bằng các thao tác trí tuệ và chân tay để hình thành cấu trúc tâm lý mới để biến đổi nhân cách của mình theo hướng ngày càng hoàn thiện.

Mục đích sâu xa của DH là giúp HS thay đổi cách nghĩ, cách làm, cách sống để thích ứng với xã hội hiện đại để nâng cao chất lượng cuộc sống nói riêng và cả cộng đồng nói chung. DH không chỉ tập trung vào nội dung mà còn hướng đến hình thành

phương pháp học tập, phương pháp tự học, tự nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi bài học, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. GV cần tạo điều kiện tốt nhất về phương tiện, điều kiện để HS hoàn thành việc học tập một cách chủ động, sáng tạo. GV cần quan tâm đúng mức tới môi trường học tập của HS.

1.2.2. *Dạy học phân hóa*

Trong quá trình DH trong nhà trường, khi thực hiện nhiệm vụ dạy học GV thường quan tâm đến trình độ đồng đều của lớp HS, khó có thể chăm lo tới năng lực nhận thức, đặc điểm riêng của từng cá nhân HS. Các thầy cô thường quan tâm tới việc hoàn thành nội dung giảng dạy được quy định, giảng giải cho HS hiểu các nội dung mình giảng. Từ việc giảng dạy đó đã nảy sinh những cách học thụ động, không phát triển được năng lực cá nhân, chất lượng và hiệu quả DH không đáp ứng được nhu cầu của xã hội hiện đại. Để đạt được hiệu quả cao trong dạy và học cần thực hiện DPHP.

Thuật ngữ “Dạy học phân hóa” đã được nhà GD người Pháp (L.Legrand) đưa ra từ những năm 70 của thế kỷ XX, theo ông không phải là kiến thức có sẵn trong nội dung chương trình mà chính là năng lực của từng HS như thế nào trước khối kiến thức đó.

Thực tế cho thấy HS trong lớp có nhiều điểm khác biệt về năng lực. Do đó, phương pháp giảng dạy của GV cần phân hóa theo đối tượng người học. Dưới sự dẫn dắt của Carol Ann Tomlinson, khái niệm DPHP (differentiated instruction) được nhiều người biết đến. Chiến lược DPHP đòi hỏi GV phải *“làm rõ mục đích học tập bắt nguồn từ các tiêu chuẩn về nội dung, nhưng được thực hiện một cách khéo léo để đảm bảo mọi HS đều tham gia và hiểu bài”* (Tomlinson, 2008, trang 26). Bản chất của DPHP là điều chỉnh nội dung kiến thức để đáp ứng nhu cầu, khả năng của người học.

Ở Việt Nam, hầu hết các GV đều hiểu khái niệm DPHP là phải giảng dạy sao cho phù hợp với nhu cầu, năng lực và phong cách học khác nhau của HS trong lớp để tạo cơ hội học tập cho mỗi HS trong lớp.

DPHP là một triết lý, một quan điểm DH chứ không phải là một phương pháp DH. Đặc thù của DPHP là dạy sao cho vừa sức với đối tượng: HS khá, giỏi thì dạy sao cho các em hứng thú, đam mê với việc học; đối với HS trung bình thì tạo động

lực cho các em vươn lên; các em HS yếu, kém thì phải bù đắp được chỗ hỏng về kiến thức để lĩnh hội được kiến thức cơ bản.

Theo tác giả Tôn Thân: *“DPPH là một quan điểm DH đòi hỏi phải tổ chức, tiến hành các hoạt động dựa trên những khác biệt của người học về năng lực, sở thích, nhu cầu, ... nhằm tạo ra những kết quả học tập tốt nhất cho từng người học, đảm bảo công bằng trong GD, tức là quyền bình đẳng về cơ hội học tập cho người học”*. [22, tr.7]

Từ những quan điểm của các tác giả khác nhau, chúng ta có thể hiểu những nội dung chính trong khái niệm DPPH như sau:

DPPH là một quan điểm tập trung vào việc thiết kế bài dạy xuất phát từ đặc điểm cá nhân, tâm lí, sinh lí, nhu cầu, động cơ, hứng thú, nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh... của các HS mà tìm cách dạy cho phù hợp.

1.2.3. Quản lý

Hoạt động QL nảy sinh trong quá trình hợp tác, phân công lao động của con người, nó có ý nghĩa lịch sử và lâu dài với tư cách điều khiển mọi hoạt động của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục...

Trước đây, QL được xem là việc cai trị một bộ máy bằng cách đặt ra mục tiêu cho bộ máy và tìm kiếm các biện pháp tác động để bộ máy đạt đến mục tiêu.

Các nhà nghiên cứu QLGD đã đưa ra một số khái niệm về QL như sau:

Tác giả Hà Thế Ngữ cho rằng *“QL là một quá trình định hướng, quá trình mục tiêu, QL có hệ thống là quá trình tác động đến hệ thống nhằm đạt được mục tiêu nhất định. Những mục tiêu này đặc trưng cho trạng thái mới của hệ thống mà người QL mong muốn”*. [14, tr.6]

Tác giả Đặng Quốc Bảo cho rằng: *“QL gồm hai quá trình, quá trình “quản” gồm sự trông coi, giữ gìn để duy trì tổ chức ở trạng thái ổn định, quá trình “lý” là sự sửa sang, sắp xếp, đổi mới đưa hệ thống vào thế phát triển”*. [1, tr.22]

Theo tác giả Nguyễn Văn Lê: *“QL là một hệ thống xã hội, là khoa học và nghệ thuật tác động vào hệ thống đó mà chủ yếu là vào con người nhằm đạt hiệu quả tối ưu theo mục tiêu đề ra”*. [10, tr.30]

Từ những quan điểm trên, ta có thể đưa ra nội dung cơ bản của khái niệm QL: *QL là quá trình tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể QL lên khách thể QL bằng việc vận dụng các chức năng QL, nhằm sử dụng có hiệu quả các tiềm năng và cơ hội của tổ chức để đạt được mục tiêu đề ra.*

1.2.4. Quản lý dạy học

Nhiệm vụ quan trọng của QL nhà trường là QLDH và GD, đó chính là QL hoạt động sư phạm của người thầy và hoạt động học tập của trò.

QLDH trong nhà trường phổ thông bao gồm:

+ QL hoạt động của GV như: Phân công chuyên môn, phân công chủ nhiệm, xếp lịch giảng dạy, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, tập huấn bồi dưỡng GV, thanh kiểm tra xếp loại GV, xây dựng kế hoạch chuyên môn, thực hiện các quy chế đánh giá xếp loại HS...

+ QL hoạt động học của HS như: Sắp xếp tổ chức các lớp, theo dõi chuyên cần, đánh giá xếp loại HS, bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS yếu, kiểm tra đánh giá HS...

QLDH là một hệ thống những tác động sư phạm có tính hướng đích của chủ thể QL đến tập thể sư phạm, tập thể HS và các lực lượng khác nhằm huy động mọi sức lực, trí tuệ của họ nhằm đạt được mục tiêu DH đề ra.

1.2.5. Quản lý dạy học phân hóa

QL DHPH trước hết do yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện GD, DHPH để phát triển năng lực người học. DHPH là khơi dậy và phát huy nội lực tự học, năng lực riêng biệt cá nhân của người dạy để dạy tốt, học tốt.

Trong DH các nhà sư phạm đã đặt ra yêu cầu làm cho người học biết bắt chước, tái hiện, tái tạo, sáng tạo nội dung truyền đạt. Muốn đạt được người thầy phải quan tâm đến sức chứa, sức hút, sức thấm, sức chuyển hóa của trò mà đề ra kế hoạch về nội dung và PPDH phù hợp. Hiệu trưởng nhà trường cần nắm vững về quy luật nhận thức, phải kích thích được GV thực hiện tốt quy luật này trong DH, đó là sự QL kích thích được GV thực hiện sự phân hóa năng lực, hoàn cảnh, nguyện vọng... để có kế hoạch DH thích hợp với HS nhằm nâng cao chất lượng DH.

1.3. Đặc điểm của dạy học phân hóa

DHPH là xu thế tất yếu, là một đòi hỏi khách quan. Vì nhu cầu của xã hội đối với việc đào tạo nguồn nhân lực vừa có những điểm giống nhau về nhân cách người

lao động, lại vừa có sự khác nhau về trình độ phát triển, về khuynh hướng và tài năng; HS trong cùng độ tuổi vừa có sự giống nhau, lại vừa có sự khác nhau về nhận thức, tư duy, năng khiếu, điều kiện, hoàn cảnh...

Tư tưởng chủ đạo của DPHP là lấy trình độ phát triển chung của HS trong lớp làm nền tảng; tìm cách đưa diện yếu kém lên trình độ chung; đưa diện khá, giỏi đạt những yêu cầu nâng cao. Như vậy, có thể thấy DPHP có chức năng làm cho quá trình DH thích ứng cao hơn với cá nhân người học, với những đặc điểm của nhóm đối tượng để đảm bảo chất lượng học tập, đồng thời đáp ứng hiệu quả mục tiêu GD, nhu cầu và lợi ích xã hội.

Dạy học phân hóa có thể thực hiện thông qua 2 cấp độ

DPHP ngoài (cấp vĩ mô), là sự tổ chức quá trình DH thông qua cách tổ chức các loại trường khác nhau cho các đối tượng HS khác nhau, xây dựng các chương trình giáo dục khác nhau.

DPHP trong (cấp vi mô), là tổ chức quá trình DH với việc sử dụng những biện pháp phân hóa thích hợp trong tiết học của lớp học cùng nội dung SGK có tính đến đặc điểm, hoàn cảnh, năng lực, nhu cầu... cá nhân HS. Hình thức phân hóa này là cần thiết, đó là nhiệm vụ của GV trực tiếp giảng dạy cũng như của tổ, nhóm chuyên môn và hiệu trưởng nhà trường.

Có ba hình thức phân hóa trong dạy học:

- *Phân hóa nội dung* (dạy cái gì?): GV có thể phân hóa nội dung học tập thông qua việc thiết kế một số nhiệm vụ theo các mức độ phù hợp với năng lực của từng nhóm HS.

- *Phân hóa mục tiêu* (dạy để đạt được mục tiêu gì?): Tùy theo từng nhóm đối tượng HS mà đưa ra những mục tiêu khác nhau sao cho các mục tiêu đó vừa phù hợp với chuẩn, vừa tạo ra sự phân hóa.

- *Phân hóa giải pháp dạy học* (dạy bằng cách nào?): Mục đích của việc phân hóa các giải pháp DH là nhằm tạo điều kiện cho từng nhóm đối tượng HS với trình độ, năng lực khác nhau đều cảm thấy nhiệm vụ học tập là phù hợp với bản thân.

1.4. Một số vấn đề về quản lý hoạt động DHPH ở trường THPT hiện nay

1.4.1. Đặc điểm chương trình giáo dục THPT nước ta hiện nay

Trong 3 lần cải cách GD (năm 1950, 1957, 1982) và lần đổi mới chương trình GD phổ thông năm 2000 vừa qua, tư tưởng chỉ đạo và việc thiết kế chương trình GD phổ thông vẫn được giữ theo nguyên tắc: Chú trọng truyền thụ kiến thức một chiều cho HS, chưa coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Các môn học của phổ thông được xây dựng theo các lĩnh vực khoa học riêng rẽ, ví dụ như Văn, Sử, Địa, Toán, Lý, Hóa... Nội dung SGK các môn học của từng cấp đều thiết kế theo vòng tròn đồng tâm. Cách thiết kế như vậy tất yếu dẫn đến kiến thức dạy và học trong nhà trường mang tính hàn lâm, xa rời cuộc sống.

Mặt khác, với những HS khá giỏi, chương trình học hiện nay cũng không phù hợp, vừa nặng do phải học quá nhiều nội dung, vừa nhẹ đối với phần thuộc sở trường và năng khiếu của cá nhân HS. Đó là những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng quá tải của chương trình GD phổ thông hiện hành.

1.4.2. Định hướng đổi mới chương trình giáo dục THPT sau 2018

Đề án phát triển chương trình GD phổ thông Việt Nam sau năm 2015 bước đầu đã nêu lên 7 định hướng sau:

1. Phát triển năng lực người học

Chương trình được xây dựng hướng tới phát triển những năng lực chung mà mọi HS đều cần, đồng thời hướng tới phát triển những năng lực chuyên biệt, liên quan đến một môn học hoặc một lĩnh vực hoạt động cụ thể phù hợp với khuynh hướng nghề nghiệp tương lai. Chú trọng xây dựng các mức độ khác nhau của năng lực chung, năng lực chuyên biệt ở từng cấp học, môn học.

2. Điều chỉnh cân đối “dạy chữ”, “dạy người” và định hướng nghề nghiệp

Chương trình, SGK phải tạo điều kiện cho HS được phát triển cả thể chất và tinh thần, phát triển toàn diện các mặt đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, lao động, hướng nghiệp, từ đó hoàn thiện nhân cách con người. Thực hiện cân đối dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp để nâng cao chất lượng GD toàn diện, coi trọng GD lý tưởng, GD truyền thống cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo...

3. Nội dung giáo dục được xây dựng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

Nội dung GD là những tri thức cơ bản của nhân loại, những thành tựu khoa học công nghệ và những giá trị lịch sử, tinh hoa văn hóa dân tộc phải đảm bảo vừa hội nhập quốc tế, vừa gắn kết với thực tiễn nước ta trong giai đoạn CNH-HĐH. Nội dung được thiết kế theo hướng giảm tính hàn lâm, tăng tính thực hành để tạo điều kiện phát triển các năng lực chung, năng lực riêng biệt cho HS. Cải tiến nội dung GD đạo đức, GD công dân, GD thể chất và GD thẩm mỹ theo hướng coi trọng tính trung thực, tự chủ, ý thức trách nhiệm và phát huy nội lực cá nhân HS.

4. Chương trình, sách giáo khoa được cấu trúc như một chỉnh thể, linh hoạt và thống nhất trong đa dạng

Chương trình GD phổ thông đảm bảo tiếp nối từ chương trình GD mầm non, và tạo nền tảng cho sự phát triển chương trình GD nghề nghiệp, GD đại học.

Chương trình, SGK được xây dựng là một chỉnh thể nhất quán từ lớp 1 đến lớp 12, đảm bảo tính thống nhất và hệ thống.

Chương trình, SGK được xây dựng theo hướng tích hợp cao ở các lớp dưới, phân hóa rõ dần từ tiểu học đến THCS và sâu hơn ở THPT. Giảm số môn học bắt buộc trong mỗi cấp học, lớp học và tăng các môn học, các chủ đề tự chọn đáp ứng nhu cầu, năng khiếu và định hướng nghề nghiệp của HS.

Trên cơ sở chương trình chung, địa phương được quyền điều chỉnh và bổ sung một phần nội dung, lập kế hoạch DH chi tiết và vận dụng những phương pháp, hình thức tổ chức DH phù hợp với điều kiện cụ thể của mình.

5. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục nhằm phát triển năng lực cho học sinh

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ các phương pháp GD phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của HS như giải quyết vấn đề, DH kiến tạo, dạy học khám phá, dạy học theo dự án,... bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng hợp tác, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhằm hình thành và phát triển các năng lực chung, năng lực chuyên biệt cho HS.

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức GD trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường; cân đối giữa DH và hoạt động GD, giữa DH bắt buộc và DH tự chọn,... để đảm bảo phát triển các năng lực cá nhân, nâng cao chất lượng GD cho mọi HS.

Nâng cao hiệu quả của các phương tiện DH, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ đổi mới PPDH, tiếp cận các nguồn học liệu mở, khai thác thông tin truyền thông để xây dựng các chủ đề học tập, phát triển năng lực tự học.

6. Đổi mới đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực

Đánh giá kết quả GD nhằm cung cấp thông tin chính xác, khách quan để điều chỉnh hoạt động dạy và học nâng cao năng lực cho HS; xác định năng lực của HS dựa theo chuẩn cấp học, chuẩn môn học thống nhất trên toàn quốc.

Thực hiện đa dạng các phương pháp như quan sát, vấn đáp, kiểm tra trên giấy, trình diễn, dự án học tập, hồ sơ HS, đánh giá của GV và tự đánh giá của HS, đánh giá của nhà trường, gia đình, cộng đồng và xã hội. Sử dụng đa dạng công cụ đánh giá, chú trọng phát triển các kỹ thuật đánh giá như thiết kế đề kiểm tra theo chuẩn năng lực, nhận xét định tính, xử lý định lượng... Đổi mới kỳ thi tốt nghiệp cấp THPT theo hướng kết hợp kết quả đánh giá môn học với kết quả thi, kết quả đánh giá quá trình với đánh giá tổng kết.

Thực hiện định kỳ đánh giá quốc gia để đánh giá chất lượng GD mỗi cơ sở GD, từng địa phương và cả nước. Tham gia đánh giá quốc tế nhằm xác định mặt bằng chất lượng GD quốc gia so với khu vực và trên thế giới.

7. Xây dựng một chương trình, biên soạn một số bộ sách giáo khoa và các tài liệu hỗ trợ dạy học

Bộ GD&ĐT tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành một chương trình quốc gia được sử dụng thống nhất. Các tổ chức, cá nhân có thể biên soạn nhiều bộ SGK hoặc một số quyển SGK theo chương trình quốc gia. Bộ GD&ĐT sẽ xem xét, phê duyệt cho phép thử nghiệm và thẩm định, ở các cơ sở GD phổ thông.

Phát triển nhiều loại tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình, hỗ trợ dạy và học để đáp ứng sự đa dạng vùng miền, nhu cầu các đối tượng HS.

Địa phương được quyền xây dựng các tài liệu hỗ trợ dạy và học phù hợp với người học và đặc thù riêng địa phương, được thẩm định phê duyệt.

1.4.3. Vai trò của Hiệu trưởng trong quản lý dạy học phân hoá

Theo điều 19 Điều lệ trường trung học, Hiệu trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường; xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- QL giáo viên, nhân viên; QL chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại GV, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với GV, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng GV, nhân viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động GV, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

- QL học sinh và các hoạt động của HS do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại HS, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho HS tiểu học (nếu có) của trường phổ thông có nhiều cấp học và quyết định khen thưởng, kỷ luật HS.

- QL tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với GV, nhân viên, HS; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá GD của nhà trường.

- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

Vì vậy, để DHPH đạt hiệu quả cao thì vai trò của Hiệu trưởng rất quan trọng. Người lãnh đạo đứng đầu nhà trường phải bám sát vào các chức năng QL: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá. Trong đó Hiệu trưởng cần tập trung vào những nội dung cơ bản: QL đổi mới nhận thức của CBQL, GV về DHPH; QL việc thực hiện nội dung chương trình; QL hoạt động dạy của GV; QL hoạt động học của HS và QL các điều kiện hỗ trợ hoạt động DH.

1.4.4. Nội dung cơ bản của quản lý hoạt động dạy học phân hóa trong trường THPT

1.4.4.1. Quản lý đổi mới nhận thức của CBQL, GV về dạy học phân hóa

Khi tiến hành đổi mới căn bản toàn diện GD thì vai trò, vị trí và chức năng của GV đã có những thay đổi căn bản, vai trò trung tâm trong quá trình DH đang chuyển

dẫn từ người dạy sang người học với yêu cầu đào tạo ra những con người năng động và sáng tạo, thích ứng với cuộc sống hiện đại.

Nền GD theo xu hướng mới hiện nay, vai trò của GV đã thay đổi theo theo những hướng sau:

- GV đảm nhận nhiều chức năng hơn so với trước, có trọng trách trong việc lựa chọn nội dung DH và GD. Từ truyền thụ kiến thức chuyển sang tổ chức việc học, hướng dẫn HS chủ động chiếm lĩnh kiến thức, sử dụng tối đa nguồn tri thức xã hội.

- Trú trọng hơn tới tính cá biệt hóa trong học tập, quan hệ thầy trò thân thiện, HS tích cực.

- Sử dụng có hiệu quả các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động DH để trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết cho HS.

Trong nghiên cứu GD các nhà QL đã đưa ra nhiều ý kiến về tính đa dạng trong đối tượng người học, nhưng trong thực tiễn DH thì không đáp ứng được sự khác biệt đó. Khi DH chưa quan tâm tới những khác biệt của HS mà dùng một giáo án chung cho một lớp, tất cả HS được tìm hiểu một giáo trình, cùng một hoạt động học, làm việc cùng thời gian, làm cùng bài tập và làm cùng một đề kiểm tra. Kết quả thu được phần lớn HS chỉ biết tái tạo lại kiến thức đã học, việc chủ động sáng tạo và vận dụng kiến thức còn hạn chế. Cách dạy này sẽ đào tạo ra những thế hệ HS không đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Trong nỗ lực tìm kiếm các PPDH tích cực, nhiều GV đã phát hiện ra có thể đáp ứng được những nhu cầu đa dạng của HS bằng cách DPHP.

Như vậy, để có sự chuyển biến nhận thức về bản chất DPHP trong CBQL, GV... người hiệu trưởng phải có kế hoạch tổ chức để CBQL, GV được nghe, được thảo luận để từ đó thay đổi nhận thức về DPHP là tất yếu khách quan.

1.4.4.2. Quản lý việc thực hiện nội dung chương trình dạy học phân hóa

Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu GD thì cần phải quan tâm đến chương trình GD. Mục tiêu GD phổ thông, Luật Giáo dục đã đề cập “phát triển năng lực cá nhân” hoặc “giúp HS có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển”.

Mục tiêu đó muốn đạt được thì phải thực hiện DPHP trong lớp học, trường học, tạo ra sự khác biệt nhất định trong nội dung và PPDH bằng cách thiết kế và thực

hiện chương trình DH theo nhiều hướng khác nhau dựa vào năng lực, hứng thú và nhu cầu học tập của HS.

Là người QL có trách nhiệm cao nhất, để QL được nội dung chương trình DHPH, người hiệu trưởng cần thực hiện những chức năng sau:

- *Lập kế hoạch*: Nêu rõ những căn cứ để lập kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, việc giảng dạy của GV, học tập của HS... Nắm vững mục tiêu GD, mục tiêu cấp học để định hướng cho các môn học và hoạt động GD. Nắm chắc phân phối chương trình, nguồn lực GV, năng lực HS, các điều kiện hỗ trợ cho dạy và học, nguồn tài chính... Sử dụng đội ngũ cán bộ, GV phù hợp với năng lực và yêu cầu công việc; quan tâm đến nhu cầu và nguyện vọng cá nhân... Hướng dẫn GV lập kế hoạch DH bộ môn, kế hoạch bài dạy phải phản ánh được những hoạt động của GV đối với HS có học lực giỏi, khá, TB, yếu.

- *Tổ chức thực hiện*: Yêu cầu GV bộ môn phải nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực đạt được của người học để từ đó GV xây dựng kế hoạch giảng dạy cho phù hợp có tính đến từng loại đối tượng HS. Hướng dẫn GV xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung kiến thức cho từng tiết giảng, từng bài, cho phù hợp với nhu cầu nhận thức của HS. Xây dựng các quy định của nhà trường về việc thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình DH theo định hướng phân hóa.

- *Công tác chỉ đạo*: Chỉ đạo các tổ, nhóm bộ môn cụ thể hóa phân phối chương trình, xây dựng kế hoạch DH chi tiết cho từng bộ môn theo từng tuần, học kỳ và cả năm học phù hợp với các đối tượng giỏi, khá, trung bình, yếu và phù hợp với năng lực và nhu cầu người học. Chỉ đạo GV soạn giáo án, phân phối thời lượng phù hợp cho từng đơn vị kiến thức, chú trọng tới hoạt động của các đối tượng HS, năng lực nhận thức của HS trong từng giờ học.

- *Công tác kiểm tra*: Thông qua QL chương trình các bộ môn, thời khóa biểu giảng dạy, kế hoạch của tổ nhóm, kế hoạch cá nhân, dự giờ thăm lớp... để điều khiển, kiểm soát tiến độ thực hiện chương trình DH của GV. Hiệu trưởng cần tổ chức lao động một cách khoa học, dân chủ trong QL, giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các tổ nhóm chuyên môn, phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên, khuyến khích sự sáng tạo của GV, nâng cao tinh thần hợp tác trong nhà trường.

1.4.4.3. Quản lý hoạt động dạy của giáo viên

a. Quản lý việc phân công giảng dạy cho giáo viên

Đây là hoạt động liên quan đến công tác tổ chức nhân sự, nó có tính chất quyết định đến chất lượng DH của nhà trường. Hiệu trưởng phải nhận thức được đội ngũ GV có trình độ ngang nhau nhưng năng lực, sở trường... của mỗi GV khác nhau. Việc phân công đúng người đúng việc sẽ phát huy tốt vai trò của cá nhân trong tập thể, tạo điều kiện cho GV tự tin, tự khẳng định mình, tăng thêm lòng yêu nghề.

Để việc phân công chuyên môn phù hợp, phát huy thế mạnh của đội ngũ, hiệu trưởng cần nắm chắc chất lượng đội ngũ, năng lực của từng GV. Đồng thời cần xem xét nguyện vọng của HS, tham khảo ý kiến của phụ huynh HS, nguyện vọng của GV để phân công phù hợp. Bên cạnh đó cần phân công những GV có nhiều kinh nghiệm giảng dạy giúp đỡ những GV mới vào nghề.

b. Quản lý lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn và cá nhân

- Xây dựng kế hoạch phải dựa trên cơ sở chương trình DH, dựa vào trình độ, năng lực của GV, khả năng của HS, kết quả học tập của năm trước và các điều kiện hỗ trợ hoạt động DH của nhà trường để xây dựng kế hoạch.

- Lập kế hoạch thực chất là thiết kế chương trình DH chi tiết cần phải dựa trên kết quả đánh giá đầu vào về năng lực học tập của HS. Kế hoạch chương trình phải phù hợp với mức độ nhận thức của HS, các em HS khá giỏi phải được học ngang tầm để phát triển tối đa những tiềm năng sẵn có và nhu cầu hiểu biết của mình, đối với HS yếu kém được học phù hợp với khả năng để nâng cao trình độ, không có cảm giác chán nản khi học tập.

- Hiệu trưởng cần hướng dẫn các tổ nhóm chuyên môn và GV xây dựng kế hoạch chi tiết, chú ý đến yêu cầu của DPHP mà nhà trường đề ra, giúp GV xác định mục tiêu và tìm ra các biện pháp thực hiện. Bên cạnh đó, hiệu trưởng cần tạo điều kiện tốt nhất để các tổ nhóm chuyên môn và GV thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

c. Quản lý việc soạn bài, chuẩn bị bài lên lớp của GV

Chuẩn bị bài lên lớp là công việc rất quan trọng góp phần quyết định chất lượng DH, gồm chuẩn bị từng học kỳ, kế hoạch từng chương, từng bài/tiết dạy; các phương tiện hỗ trợ hoạt động dạy, các hồ sơ DH của GV.

Để QL tốt, người hiệu trưởng cần quan tâm đến công việc sau:

- Các tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch phải dựa trên cơ sở điều tra, phân tích nhu cầu và hứng thú của người học với bộ môn.

- Chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn thống nhất quy định soạn bài theo DHPH, hướng dẫn soạn bài chi tiết, chú ý đến các hoạt động cho phù hợp với từng đối tượng HS, giáo án phải thể hiện được mục tiêu dạy học, kiến thức khoa học, chính xác.

- Cung cấp sách tham khảo, sách GV, các tài liệu tập huấn về DHPH, các điều kiện hỗ trợ DH...

- Chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra bài soạn, kiểm tra hồ sơ, kế hoạch giảng dạy. Tổ chức các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn về DHPH, dự giờ, rút kinh nghiệm giờ dạy của GV.

d. Quản lý giờ lên lớp của giáo viên

Đề QL có hiệu quả giờ lên lớp của GV, hiệu trưởng cần phải tập trung vào các vấn đề sau:

- Yêu cầu GV xây dựng kế hoạch giảng dạy từng lớp, từng tuần, từng kỳ, cả năm thể hiện rõ việc quan tâm đến từng đối tượng HS.

- Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy thể hiện DHPH.

- Tổ chức dự giờ thăm lớp định kỳ hoặc đột xuất có rút kinh nghiệm.

e. Quản lý đổi mới phương pháp dạy học

DHPH là dạy học hướng vào người học, lấy người học làm trung tâm, là hình thức DH tích cực, có ý nghĩa nhân văn cao cả. Thực tế đối tượng HS đa dạng, khác nhau, để đạt được mục tiêu DH phải có phương pháp phù hợp với từng cá nhân HS, từ đó sẽ tạo hứng thú học tập, yêu thích môn học cho HS.

Để đổi mới PPDH đạt kết quả, hiệu trưởng cần có những tác động sau:

- Đổi mới nhận thức của CBQL và GV về DHPH, khuyến khích sự chủ động sáng tạo của GV và HS.

- Khuyến khích sử dụng hợp lý các đồ dùng, TBDH, động viên GV tự làm các đồ dùng DH, ứng dụng công nghệ thông tin, trang bị đầy đủ các thiết bị của phòng học bộ môn.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ GV, sinh hoạt chuyên đề về PPDH tích cực có liên quan đến DHPH. Đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS.

- Tổ chức các đợt thao giảng, thi GV giỏi cấp trường về lựa chọn và sử dụng DHPH, vận dụng DHPH trong toàn trường.

- Động viên, khen thưởng những GV thực hiện tốt khi DHPH, có biện pháp tích cực để thúc đẩy GV thực hiện đổi mới PPDH.

f. Quản lý sinh hoạt tổ chuyên môn

Tổ chuyên môn là nơi triển khai các hoạt động chuyên môn của nhà trường, QL trực tiếp công tác bồi dưỡng GV, xây dựng kế hoạch DH. Hiệu trưởng cần chỉ đạo các tổ thực hiện thống nhất các nội dung sau:

- Tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Xây dựng kế hoạch chuyên môn mà nhà trường giao cho tổ.

- Chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức DHPH từng chương, từng bài.

- Tổ trưởng báo cáo thường xuyên hoặc định kỳ về kết quả hoạt động của tổ.

g. Quản lý việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực dạy học phân hóa cho GV

Khi DHPH thì vai trò của GV chuyển từ chỗ truyền thụ kiến thức sang tổ chức việc học cho HS, coi trọng sự khác biệt của HS trong học tập; sử dụng các phương tiện hiện đại trong DH; thay đổi mối quan hệ tác động giữa GV và HS... Vì vậy hiệu trưởng cần chỉ đạo GV xây dựng chương trình, lập kế hoạch bồi dưỡng về nghiệp vụ giảng dạy bộ môn, trong đó nội dung bồi dưỡng GV phải được tiến hành lần lượt từ khâu phân tích nhu cầu đến khâu kiểm tra đánh giá, mà chủ yếu là rèn kỹ năng phân tích nhu cầu, xác định mục tiêu bài dạy, lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp.

Để làm tốt công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực DHPH cho GV, hiệu trưởng cần tổ chức thực hiện nội dung sau: Lập kế hoạch, tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực DHPH cho GV, có kiểm tra việc áp dụng kiến thức bồi dưỡng vào giảng dạy; tổ chức thực hiện một số giờ dạy mẫu ở tất cả các môn, thảo luận rút kinh nghiệm; phân công GV có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt giúp đỡ GV mới còn hạn chế về năng lực; tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để tổ chức các lớp bồi dưỡng, bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao ý thức tự bồi dưỡng cho GV.

1.4.4.4. Quản lý hoạt động học tập của HS

Học sinh là chủ thể của hoạt động học tập, là đối tượng của quá trình DH, giáo dục và là chủ thể của nhận thức. GV là người tổ chức điều khiển, hướng dẫn hoạt động học tập của HS. Hiệu trưởng QL hoạt động học của HS thông qua GV.

Kết quả học tập của HS đạt cao nhất khi có nhu cầu, hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc học tập, HS với năng lực của bản thân, sử dụng có hiệu quả các tài liệu học tập, tham gia một cách tích cực chủ động vào học tập, có động cơ học tập tích cực, khả năng vận dụng những tri thức vào cuộc sống, phát triển các mối quan hệ hợp tác... phải được HS nhận thức.

Để học tập của HS có chất lượng, hiệu quả khi thực hiện DPHP, hiệu trưởng cần QL các nội dung sau:

- Chỉ đạo GV chủ nhiệm, GV bộ môn nắm chính xác chất lượng đầu vào, khảo sát thường xuyên trong quá trình DH để nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng của HS.

- Nâng cao nhận thức của HS về DPHP qua các buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn, các phong trào thi đua.

- Hướng dẫn, hình thành phương pháp học tập cho HS thông qua sự dẫn dắt của GV với tinh thần đổi mới phương pháp hướng vào người học.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS khá giỏi, phụ đạo HS yếu kém để nâng cao chất lượng mũi nhọn, và chất lượng đại trà.

- Chỉ đạo phối hợp giữa GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Đoàn TN xây dựng và QL nền nếp học tập của HS.

- Phối hợp với phụ huynh QL chặt chẽ hoạt động học tập ở nhà của HS.

- GV chủ nhiệm, GV bộ môn có các hình thức kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của HS, và báo cho HS, phụ huynh HS và nhà trường biết.

1.4.4.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ dạy học phân hóa

a. Quản lý cơ sở vật chất trường học

Quản lý tốt các điều kiện hỗ trợ DH như CSVC sẽ tác động mạnh đến chất lượng DH, hiệu trưởng phải quan tâm đến một số việc như sau:

- *Lập kế hoạch:* Tổ chức kiểm tra CSVC, thiết bị dạy học (TBDH) của nhà trường, các tổ nhóm chuyên môn rà soát, đề nghị mua sắm bổ sung các thiết bị, sửa

chữa CSVC phục vụ cho năm học mới. Từ đó hiệu trưởng lên kế hoạch sửa chữa CSVC, mua sắm thêm TBDH.

- *Tổ chức, chỉ đạo*: Tham mưu với lãnh đạo các cấp để tăng cường nguồn đầu tư xây dựng CSVC và mua sắm TBDH. Ưu tiên kinh phí để xây dựng phòng học bộ môn, phòng chức năng, các TBDH hiện đại... Chỉ đạo đội ngũ GV tăng cường sử dụng các TBDH trong giờ lên lớp. Phân công cán bộ phụ trách thiết bị có trình độ, năng lực QL có hiệu quả TBDH.

- *Kiểm tra*: Có kế hoạch kiểm tra CSVC, TBDH định kỳ và thường xuyên để kịp thời sửa chữa và trang bị mới những thiết bị phục vụ DH. Kiểm tra việc sử dụng TBDH của GV thông qua sổ theo dõi.

b. Quản lý việc xây dựng môi trường học tập

Trong QL DHPH, môi trường học tập có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Để có môi trường học tập tốt, hiệu trưởng cần lập kế hoạch xây dựng môi trường thân thiện, tích cực. Môi trường đó gồm:

- *Môi trường trí tuệ*: GV đóng vai trò xúc tác, động viên để khuyến khích, thúc đẩy HS tham gia học tập tích cực. Khuyến khích phát triển tư duy độc lập, sáng tạo của HS. HS đóng vai trò chủ động, tích cực trong quá trình học tập. Tạo điều kiện giao tiếp thân thiện giữa GV với HS và HS với HS.

- *Môi trường vật chất*: Hệ thống phòng học kiên cố hợp quy hoạch, bàn ghế đầy đủ, thoáng mát, hợp vệ sinh, đảm bảo cảnh quan sư phạm... GV và HS cảm thấy thoải mái khi thực hiện nhiệm vụ.

- *Môi trường tâm lý*: Phản ánh mối quan hệ đoàn kết trong hội đồng sư phạm, quan hệ giữa GV với HS, quan hệ giữa HS với HS, nêu cao tinh thần dân chủ, xây dựng môi trường thân thiện, tạo tâm lý thoải mái để HS học tập.

- *Môi trường xã hội*: Phối hợp với các cơ quan ban ngành đoàn thể ở địa phương nơi trường đóng, xây dựng được cơ quan an toàn về an ninh.

Như vậy, hiệu trưởng nhà trường cần xây dựng môi trường thân thiện để GV có điều kiện phấn đấu về chuyên môn, phát huy được năng lực cá nhân. Còn HS thấy yên tâm, thoải mái, tự tin và tích cực tham gia học tập.

1.4.4.6. Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập là một trong những khâu quan trọng nhất không thể thiếu của quá trình DH, là một biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng DH. Kiểm tra đánh giá định hướng cho toàn bộ quá trình DH, khuyến khích tạo động lực cho người học, giúp người học tự kiểm tra việc học tập của mình, kiểm tra đánh giá lẫn nhau. Kiểm tra đánh giá còn giúp GV, nhà QL có những thông tin phản hồi hữu ích, giúp điều chỉnh quá trình DH và QL để đạt mục tiêu DH ngày càng cao.

QL tốt công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS sẽ làm chuyển biến chất lượng DH, hiệu trưởng phải quan tâm đến một số việc như sau:

- Lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo đổi mới công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS. Thực hiện có hiệu quả các quy định của cấp trên về kiểm tra, đánh giá.
- Tập huấn, nâng cao nhận thức năng lực kiểm tra, đánh giá cho CBQL, GV.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để QL công tác kiểm tra đánh giá.
- Chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn thống nhất quy trình kiểm tra đánh giá, chú trọng công tác kiểm tra hồ sơ giáo án, nhất là các giáo án kiểm tra định kỳ.
- Kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan, trung thực kết quả học tập của HS.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý dạy học phân hóa ở trường THPT

1.5.1. Các yếu tố chủ quan

Trình độ, năng lực QL của Hiệu trưởng: Là người QL các hoạt động GD của nhà trường, Hiệu trưởng phải đạt trình độ chuẩn, có năng lực QL các hoạt động của nhà trường như QL đội ngũ, QL giảng dạy của GV, QL học tập của HS, QL các điều kiện hỗ trợ dạy học ...

Trình độ, năng lực, phẩm chất của GV: Đặc điểm lao động của người GV là đối tượng lao động sư phạm là con người. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân cách, và tri thức được chính mình lĩnh hội. Nghề tạo ra lực lượng lao động có trình độ cao cho xã hội. Nghề đòi hỏi tính khoa học, nghệ thuật và tính sáng tạo.

Với đặc điểm lao động như trên, năng lực, phẩm chất, trình độ của GV có ảnh hưởng rất lớn đến DH và QLDH.

Phẩm chất, năng lực, nhu cầu của HS: Phẩm chất, năng lực, nhu cầu của HS có ảnh hưởng nhất định đến việc DHPH.

HS đạt được kết quả học tập tốt nhất khi: HS có động cơ, thái độ, nhu cầu học tập đúng đắn. Nắm rõ được mục tiêu bài học, chương trình học; nhận biết được nội dung cần tiếp thu; phát huy được năng lực của bản, tham gia tích cực, chủ động vào quá trình học tập, có khả năng vận dụng hiệu quả tri thức vào thực tiễn cuộc sống.

1.5.2. Các yếu tố khách quan

Chính sách, chủ trương về DHPH, Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc đã định hướng; các văn bản chỉ thị của ngành GD&ĐT đã được các cấp QL cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện.

Trong nghị quyết của Bộ chính trị BCH TW Đảng khóa IV (1979) đã nêu: *“Nội dung GD ở trường phổ thông mang tính toàn diện và kỹ thuật tổng hợp nhưng có chú ý đến việc phát huy sở trường và năng khiếu cá nhân”*.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH TW Đảng khóa VII (1993) đã xác định: *“Hình thành bậc trung học mới chuẩn bị cho một bộ phận HS tiếp tục học lên và đa số tốt nghiệp có thể vào đời, GD kỹ năng lao động và hướng nghiệp cho HS phổ thông theo hướng liên kết GD phổ thông và GD chuyên nghiệp...”*.

Trong Nghị quyết trung ương lần thứ 8 khóa XI nêu rõ *“Phát triển GD&ĐT là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình GD từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với GD gia đình và GD xã hội”*.

“Đối với GD phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS. Nâng cao chất lượng GD toàn diện, chú trọng GD lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Hoàn thành việc xây dựng chương trình GD phổ thông giai đoạn sau năm 2015. Bảo đảm cho HS có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng”.

Kết luận chương 1

Trong chương này, tôi đã tìm hiểu, nghiên cứu một số vấn đề về lí luận, những khái niệm chủ yếu liên quan tới đề tài như: Dạy học, dạy học phân hóa; Quản lý, QL dạy học, QL dạy học phân hóa...

DHPH phải phù hợp với đặc điểm đối tượng HS, khuyến khích tối đa tiềm năng của mỗi người để đạt kết quả học tập cao nhất. Trong QL DHPH Hiệu trưởng phải biết vận dụng sáng tạo các chức năng của người QL, yếu tố quyết định chất lượng giảng dạy là đội ngũ GV, đồng thời phải nắm được đặc điểm tâm lý và nhân cách của HS; nâng cao nhận thức cho các lực lượng sư phạm về DHPH. Thực hiện phân cấp QL, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chuyên môn và GV, tăng cường trách nhiệm của GV. Tổ chức cho GV thực hiện ký cam kết chất lượng qua hợp đồng sư phạm và phải QL kiểm soát được cam kết chất lượng đó.

Để phát huy hiệu quả của DHPH, người QL cần bám sát vào các chức năng QL và tập trung vào nâng cao nhận thức của cán bộ QL, GV về DHPH; QL việc thực hiện chương trình DH; QL hoạt động DH của GV; QL hoạt động học tập của HS và QL các điều kiện hỗ trợ cho DHPH.

Khi thực hiện QL DHPH cần phải đặc biệt chú ý đến thiết kế chương trình DH chi tiết, phải dựa trên kết quả khảo sát đánh giá chất lượng đầu vào của HS về năng lực, nhu cầu, cách học và điều kiện học tập của HS.

Căn cứ vào kết quả đánh giá năng lực và cách học của HS, GV xây dựng kế hoạch thiết kế nội dung, PPDH phù hợp cho phép HS tiếp nhận kiến thức, phát triển các năng lực của mình một cách có hiệu quả nhất, đạt được kết quả chuẩn đầu ra.

Trong QL DHPH cũng cần phải quan tâm đến môi trường sư phạm, người dạy chuyển từ sư phạm quyền uy sang sư phạm hợp tác. Đây là đặc điểm khác biệt giữa quản lý DHPH với QLDH nói chung.

Những cơ sở lí luận về DH và QL DHPH là căn cứ để nghiên cứu thực trạng QL DHPH, cũng như đề xuất các biện pháp QL DHPH ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương hiện nay. Nội dung này tôi xin đề cập ở chương 2 và chương 3.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC PHÂN HÓA Ở CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1. Khái quát đặc điểm, kinh tế - xã hội và giáo dục huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

2.1.1. Đặc điểm, kinh tế huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Với diện tích là 135,48km², dân số 146.780 người gồm 27 xã và 1 thị trấn, Ninh Giang là một huyện nằm ở phía Nam tỉnh Hải Dương, phía Bắc và phía Đông giáp huyện Tứ Kỳ, phía Tây giáp huyện Thanh Miện, phía Nam giáp huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) và Quỳnh Phụ (Thái Bình).

Đây là một vùng đất có truyền thống lịch sử, quê hương của người anh hùng dựng nước Khúc Thừa Dụ, là một địa bàn chiến lược trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ninh Giang đã vinh dự được 2 lần đón Bác Hồ về thăm.

Ninh Giang vẫn thuộc vào huyện nghèo, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp. Kinh tế huyện Ninh Giang trong những năm qua mặc dù có sự phát triển, nhưng vẫn còn trong tình trạng yếu kém, thu nhập, bình quân đầu người còn thấp so với các huyện khác trong tỉnh Hải Dương.

2.1.2. Văn hoá - Giáo dục

Theo số liệu của phòng thống kê huyện Ninh Giang đến cuối năm 2007 có 100% xã và thị trấn xây dựng được quy ước nếp sống văn hoá, năm 2015 có 88% số hộ gia đình được công nhận là gia đình văn hoá, 90.4% thôn, khu phố được công nhận làng văn hoá và khu phố văn hóa.

Toàn huyện có 91 trường học từ Mầm non, Tiểu học, THCS đến THPT và một Trung tâm GDTX, và một trung tâm Kỹ thuật hướng nghiệp dạy nghề. Tính đến năm 2015 toàn huyện có 48 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia (trong đó có 2 trường THPT, 46 trường mầm non, tiểu học và THCS). Số liệu thống kê về GD của huyện Ninh Giang đến hết năm học 2014-2015 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.1: Số trường, phòng học, lớp học, học sinh, giáo viên

TT	Ngành học, cấp học	Số trường	Số phòng học	Số lớp học	Số học sinh	Số GV
1	Mầm non	28	351	351	6.850	493
2	Tiểu học	28	305	350	9.255	518
3	Trung học cơ sở	29	238	318	9.297	635
4	TT GD thường xuyên	01	21	17	645	38
5	Trung học phổ thông	5	126	112	4.594	233
	Cộng	91	1.041	1.148	30.641	1.917

(Nguồn: Lưu trữ - Phòng Giáo dục, UBND huyện Ninh Giang, các trường THPT).

Bảng số liệu trên cho thấy, GD của huyện Ninh Giang ở tất cả các cấp học đều phát triển mạnh: Xây dựng CSVC, TBDH, nhiều loại hình trường lớp, huy động tối đa HS học xong THCS vào học tiếp trong các trường THPT.

2.1.3. Giáo dục THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

Hiện nay (năm học 2014-2015), huyện Ninh Giang có 5 trường THPT, với tổng số hơn 4.500 học sinh. Chính sự phát triển của hệ thống các trường THPT mà hàng năm thu hút được số HS học xong THCS vào lớp 10 ngày càng tăng (năm 2011 là 69,1%, năm 2012 là 79%, năm 2013 là 88,4%, năm 2015 là 90%). Với sự phát triển đó, giáo dục THPT góp phần tích cực đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao dân trí của địa phương.[15]

Các trường THPT trên địa bàn huyện Ninh Giang, ra đời và phát triển có những nét khác nhau.

- Trường THPT Ninh Giang, thành lập năm 1965, là trường đóng ở trung tâm huyện. Trường đã được công nhận là Trường chuẩn quốc gia năm học 2005-2006. Năm học 2015-2016 nhà trường được Đảng và nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba và cờ thi đua của Chính phủ. Quy mô và sự phát triển nhà trường được thể hiện qua số liệu thống kê sau:

Bảng 2.2a: Quy mô phát triển của nhà trường từ năm học 2010 đến năm học 2015

Số TT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Tổng số CBGV			Cơ sở vật chất			
				Quản lý	GV	Nhân viên HC	PH kiên cố	PH bán kiên cố	Phòng học BM	Phòng TN
1	2010-2011	36	1.512	4	82	5	36	0	6	2
2	2011-2012	36	1.508	4	83	5	36	0	6	2
3	2012-2013	36	1.490	4	78	7	42	0	8	3
4	2013-2014	36	1.478	4	80	8	42	0	10	3
5	2014-2015	36	1.481	4	82	8	42	0	10	3

Bảng 2.2b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường THPT Ninh Giang từ năm học 2010 đến năm học 2015

Số T T	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Học lực (%)					Hạng kiểm (%)			
				Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	2010-2011	36	1.512	8,6	60,2	30,1	1,1	0,0	73,8	22,1	3,9	0,2
2	2011-2012	36	1.508	9,3	63,1	27,0	0,6	0,0	75,3	20,8	3,8	0,1
3	2012-2013	36	1.490	10,8	66,1	22,7	0,4	0,0	80,5	16,5	2,9	0,1
4	2013-2014	36	1.478	11,5	66,5	21,8	0,2	0,0	84,0	13,0	3,0	0,0
5	2014-2015	36	1.481	14,0	65,9	19,7	0,4	0,0	87,4	10,9	1,6	0,1

Nguồn: thống kê từ số liệu lưu trữ của trường

- Trường THPT Quang Trung, thành lập năm 1978, nằm giáp hai huyện Ninh Giang và Thanh Miện. Trường có cơ sở vật chất khang trang hiện đại và được công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia vào năm học 2008- 2009.

Bảng 2.3a: Quy mô phát triển của nhà trường từ năm học 2010 đến năm học 2015

Số TT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Tổng số CBGV			Cơ sở vật chất			
				Quản lý	GV	Nhân viên HC	PH kiên cố	PH bán kiên cố	Phòng học BM	Phòng TN
1	2010-2011	26	1.092	3	61	6	30	0	6	3
2	2011-2012	24	1.008	3	59	6	30	0	6	3
3	2012-2013	24	964	3	62	6	30	0	8	3
4	2013-2014	24	966	3	63	7	30	0	8	3
5	2014-2015	24	987	3	65	7	30	0	8	3

Bảng 2.3b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường THPT Quang Trung từ năm học 2010 đến năm học 2015

Số TT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Học lực (%)					Hạnh kiểm (%)			
				Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	2010-2011	28	1.092	5,8	51,0	43,0	0,2	0,0	68,2	27,6	3,8	0,4
2	2011-2012	24	1.008	6,5	53,1	38,8	0,2	0,0	70,5	20,6	8,4	0,5
3	2012-2013	24	964	6,6	59,2	34,1	0,1	0,0	76,3	19,8	3,6	0,3
4	2013-2014	24	966	7,1	58,0	34,9	0,1	0,0	78,0	19,1	2,7	0,2
5	2014-2015	24	987	7,4	66,9	25,4	0,3	0,0	83,5	11,5	4,7	0,3

Nguồn: thống kê từ số liệu lưu trữ của trường

- Trường THPT Khúc Thừa Dụ, được thành lập vào năm 1999 với mô hình là trường bán công. Năm 2013 nhà trường được UDND tỉnh ra quyết định chuyển sang loại hình trường công lập.

Bảng 2.4a: Quy mô phát triển của nhà trường THPT Khúc Thừa Dụ từ năm học 2010 đến năm học 2015

Số TT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Tổng số CBGV			Cơ sở vật chất			
				Quản lý	GV	Nhân viên HC	PH kiên cố	PH bán kiên cố	Phòng học BM	Phòng TN
1	2010-2011	28	1.402	3	37	8	17	3	2	2
2	2011-2012	26	1.306	3	38	7	22	0	3	3
3	2012-2013	24	1.104	3	42	8	22	0	3	3
4	2013-2014	25	1.125	3	43	8	22	0	3	3
5	2014-2015	25	1.087	3	46	8	22	0	4	3

Bảng 2.4b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường THPT Khúc Thừa Dụ từ năm học 2010 đến năm học 2015

Số TT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Học lực (%)					Hạng kiểm (%)			
				Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	2010-2011	28	1.402	2,3	44,7	46,0	7,0	0,0	52,0	36,0	11,7	0,3
2	2011-2012	26	1.306	2,5	46,0	44,0	7,5	0,0	54,0	35,0	10,7	0,3
3	2012-2013	24	1.104	2,9	46,0	46,6	4,5	0,0	56,0	33,8	10,0	0,2
4	2013-2014	25	1.125	3,1	47,0	46,9	3,0	0,0	62,0	28,4	9,5	0,1
5	2014-2015	25	1.087	3,9	59,3	32,8	4,0	0,0	76,2	19,6	4,0	0,2

Nguồn: thống kê từ số liệu lưu trữ của trường

- Trường THPT DL Ninh Giang, thành lập năm 2001, đáp ứng được nhu cầu học tập của con em Ninh Giang và một phần của huyện Tứ Kỳ. Đến năm học 2007 trường đổi tên thành trường THPT Ninh Giang 2.

**Bảng 2.5a: Quy mô phát triển của nhà trường THPT Ninh Giang 2
từ năm học 2010 đến năm học 2015**

Số TT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Tổng số CBGV			Cơ sở vật chất			
				Quản lý	GV	Nhân viên HC	PH kiên cố	PH bán kiên cố	Phòng học BM	Phòng TN
1	2010-2011	21	1.134	3	27	4	20	6	2	2
2	2011-2012	21	1.092	3	25	4	20	6	2	2
3	2012-2013	19	950	3	29	5	22	6	2	2
4	2013-2014	17	755	3	25	5	22	6	3	3
5	2014-2015	15	612	3	26	5	22	4	3	3

**Bảng 2.5b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường
THPT Ninh Giang 2 từ năm học 2010 đến năm học 2015**

Số TT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Học lực (%)					Hạng kiểm (%)			
				Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	2010-2011	21	1.134	1,0	31,8	61,1	6,0	0,1	52,0	29,0	17,0	2,0
2	2011-2012	21	1.092	1,1	31,0	61,9	6,0	0,0	53,0	30,3	15,0	1,7
3	2012-2013	19	950	1,2	33,7	60,0	5,0	0,1	56,0	30,8	12,0	1,2
4	2013-2014	17	755	2,0	36,0	54,9	7,1	0,0	58,0	28,0	13,0	1,0
5	2014-2015	15	612	2,1	40,8	51,4	5,6	0,1	61,4	27,9	8,8	1,9

Nguồn: thống kê từ số liệu lưu trữ của trường

- Trường THPT Hồng Đức được thành lập từ năm 2007, là mô hình trường tu thực. Nhà trường được xây dựng với một CSVC hiện đại, được tuyển lựa những GV có năng lực, trình độ để giảng dạy.

Bảng 2.6a: Quy mô phát triển của nhà trường THPT Hồng Đức từ năm học 2010 đến năm học 2015

Số TT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Tổng số CBGV			Cơ sở vật chất			
				Quản lý	GV	Nhân viên HC	PH kiên cố	PH bán kiên cố	Phòng học BM	Phòng TN
1	2010-2011	18	835	2	25	4	15	2	1	1
2	2011-2012	18	829	2	27	5	15	2	1	1
3	2012-2013	17	766	2	24	5	15	2	2	2
4	2013-2014	16	681	2	25	5	18	0	2	2
5	2014-2015	15	474	2	29	5	18	0	2	2

Bảng 2.6b: Quy mô phát triển số lớp, học sinh và hai mặt giáo dục của trường THPT Hồng Đức từ năm học 2010 đến năm học 2015

Số TT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Học lực (%)					Hạng kiểm (%)			
				Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	2010-2011	18	835	0,5	38,9	55,5	6,9	0,2	51,0	30,0	16,9	2,1
2	2011-2012	18	829	0,7	40,0	54,3	6,8	0,2	51,0	32,3	14,9	1,8
3	2012-2013	17	766	1,1	42,8	52,0	6,0	0,1	54,0	32,8	11,8	1,4
4	2013-2014	16	681	2,2	43,0	48,0	6,7	0,1	55,0	31,5	12,5	1,0
5	2014-2015	15	474	2,3	50,0	44,5	3,1	0,1	59,9	32,7	7,0	0,4

Nguồn: thống kê từ số liệu lưu trữ của trường

Kết quả khảo sát trên cho thấy, mạng lưới trường THPT huyện Ninh Giang phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu học tập của HS. Khảo sát chất lượng GD của 5 trường THPT năm học 2014- 2015 sau đây đã thấy rõ điều đó.

**Bảng 2.7: Số lượng trường lớp, học sinh THPT huyện Ninh Giang
trong năm học 2014 - 2015**

STT	Trường THPT	Tổng số		Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
		Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS
1	Ninh Giang	36	1.481	12	492	12	495	12	494
2	Quang Trung	24	987	8	328	8	329	8	330
3	Khúc Thừa Dụ	25	1.087	8	320	9	406	8	361
4	Ninh Giang 2	15	612	5	201	5	206	5	205
5	Hồng Đức	12	474	4	155	4	161	4	158
	Cộng	113	4.641	37	1.496	38	1.597	37	1.548

Chất lượng GD trong các nhà trường THPT ngày càng đi vào thực chất được đánh giá, công bằng, nghiêm túc qua hai mặt GD.

**Bảng 2.8: Kết quả hai mặt giáo dục học sinh THPT của huyện Ninh Giang,
tỉnh Hải Dương năm học 2014 – 2015**

Kết quả học lực:

Số TT	Trường THPT	Tổng số học sinh	Học lực									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
1	Ninh Giang	1.481	207	14,0	976	65,9	292	19,7	6	0,4	0	
2	Quang Trung	987	73	7,4	660	66,9	251	25,4	3	0,3	0	
3	Khúc Thừa Dụ	1.087	42	3,9	645	59,3	357	32,8	43	4,0	0	
4	Ninh Giang 2	612	13	2,1	250	40,8	314	51,4	34	5,6	1	0,1
5	Hồng Đức	474	11	2,3	237	50,0	210	44,5	15	3,1	1	0,1
	Cộng	4.641	346	7,5	2.768	59,6	1.424	30,6	101	2,2	2	0,04

Kết quả hạnh kiểm

Số TT	Trường THPT	Tổng số học sinh	Hạnh kiểm							
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
1	Ninh Giang	1.481	1.294	87,4	161	10,9	24	1,6	2	0,1
2	Quang Trung	987	824	83,5	114	11,5	46	4,7	3	0,3
3	Khúc Thừa Dụ	1.087	828	76,2	214	19,6	43	4,0	2	0,2
4	Ninh Giang 2	612	376	61,4	170	27,9	54	8,8	12	1,9
5	Hồng Đức	474	284	59,9	155	32,7	33	7,0	2	0,4
	Cộng	4.641	3.606	77,7	814	17,5	200	4,3	21	0,5

Nguồn: thống kê từ số liệu các trường

Kết quả trên phản ánh thực trạng giáo dục THPT huyện Ninh Giang về số lượng và chất lượng đào tạo. Điều đó cũng phản ánh công tác QLGD trong nhà trường THPT được thực hiện tương đối tốt, có những đổi mới để đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản ngành GD&ĐT. Tuy nhiên, để đáp ứng được sự phát triển của GD và yêu cầu của thực tế thì giáo dục THPT của huyện Ninh Giang cần có sự đổi mới trong QL để tạo ra sự đột phá cho sự phát triển về chất lượng.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học phân hóa ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

Để đánh giá thực trạng QL DHPH hiện nay ở các trường THPT huyện, tôi đã xây dựng các bộ phiếu hỏi CBQL và bộ phiếu hỏi GV tại các trường THPT trong huyện. Các phiếu hỏi tập trung vào các lĩnh vực như: nhận thức về DHPH; việc thực hiện DHPH hiện nay ở các trường; việc QL DHPH.

Phạm vi khảo sát gồm 5 trường: THPT Ninh Giang, THPT Quang Trung, THPT Khúc Thừa Dụ, THPT Hồng Đức, THPT Ninh Giang II.

Thời gian khảo sát thực hiện vào tháng 10/2015. Số CBQL được khảo sát là 40 người, số GV được khảo sát là 272 người.

Để làm rõ thực trạng QL DHPH cần phải đi sâu tìm hiểu thực trạng QL việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, QL chương trình, QL phương pháp, QLDH của GV, QL học tập của HS, QL kiểm tra đánh giá...

2.2.1. Thực trạng quản lý xây dựng và thực hiện kế hoạch

Việc xây dựng kế hoạch DHPH cần tuân thủ quy trình 4 bước, gồm: Điều tra, khảo sát đối tượng HS trước khi giảng dạy; lập kế hoạch DH, soạn bài từ việc phân tích nhu cầu của HS; trong giờ dạy, GV phải kết hợp nhiều PPDH, lựa chọn những hình thức tổ chức DH phù hợp với mục tiêu bài học; kiểm tra, đánh giá sự tiến bộ của HS trong suốt quá trình giảng dạy.

Để đánh giá việc thực hiện QL xây dựng kế hoạch DHPH ở các trường THPT trong huyện Ninh Giang khi DHPH, tôi đã tiến hành khảo sát xin ý kiến đánh giá của 40 CBQL (phụ lục 2.1). Kết quả khảo sát được tổng hợp ở bảng 2.9 như sau:

Về khảo sát đối tượng HS khối 10 khi trúng tuyển vào nhà trường để nắm được năng lực và nguyện vọng của HS, về vấn đề này đã được CBQL cho là cần thiết, nhưng còn 25% CBQL cho rằng đã làm nhưng chưa tốt.

Sắp xếp lớp phù hợp với năng lực và nguyện vọng của HS được 100% CBQL cho là cần thiết, và đã làm được việc này.

Chỉ đạo đội ngũ GV nắm được năng lực học tập của HS để xây dựng nội dung và PPDH phù hợp, vấn đề này được CBQL cho là cần thiết, nhưng có 45.0% CBQL thực hiện nhưng chưa tốt và 7.5% chưa thực hiện.

Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác xây dựng kế hoạch DHPH của tổ chuyên môn, nội dung này được CBQL cho là cần thiết, và có 17.5% CBQL cho là đã thực hiện nhưng chưa tốt.

Bảng 2.9: Tổng hợp ý kiến đánh giá nhận thức của CBQL về xây dựng kế hoạch dạy học phân hóa

TT	Nội dung đánh giá	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Khảo sát để nắm được năng lực của HS	40	33	82.5	7	17.5	0	0	30	75.0	10	25.0	0	0
2	Sắp xếp lớp học phù hợp với năng lực, nguyện vọng của HS	40	35	87.5	5	12.5	0	0	34	85.0	6	15.0	0	0
3	Phân công GV chủ nhiệm, GV bộ môn phù hợp với đối tượng HS	40	29	72.5	10	25.0	1	2.5	28	70.0	10	25.0	2	5.0
4	Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch DH phù hợp với từng lớp	40	34	85.0	6	15.0	0	0	35	87.5	5	12.5	0	0
5	Xây dựng nội dung và PPDH phù hợp với năng lực của HS	40	27	67.5	12	30.0	1	2.5	19	47.5	18	45.0	3	7.5
6	Chỉ đạo đội ngũ GV xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá HS phù hợp	40	23	57.5	16	40.0	1	2.5	32	80.0	8	20.0	0	0
7	Có kế hoạch kiểm tra việc xây dựng kế hoạch DPHP của các tổ chuyên môn	40	36	90.0	4	10.0	0	0	33	82.5	7	17.5	0	0

2.2.2. Thực trạng quản lý nội dung chương trình và phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh

2.2.2.1. Quản lý nội dung chương trình

Để đánh giá việc thực hiện QL nội dung chương trình ở các trường THPT trong huyện Ninh Giang khi DHPH, tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu lấy ý kiến của 40 CBQL (phụ lục 2.2). Kết quả khảo sát được tổng hợp ở bảng 2.10 như sau:

Tổ chức cho GV nắm vững cấu trúc chương trình DH, chuẩn kiến thức kỹ năng và thái độ... Nội dung này có 25% CBQL trả lời đã thực hiện nhưng chưa tốt.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch DH trên nguyên tắc cấu tạo khung chương trình, thiết kế chương trình DH chi tiết theo những hướng khác nhau dựa vào năng lực của HS. Nội dung này được các CBQL cho là rất cần thiết nhưng có 32,5% CBQL cho rằng chưa thực hiện tốt.

Chỉ đạo tổ chuyên môn thống nhất trong GV để cụ thể hóa kế hoạch giảng dạy từng bài, từng chương, từng học kỳ sao cho phù hợp với đối tượng HS. Nội dung này được CBQL nhận thức là quan trọng nhưng còn 5% CBQL được hỏi chưa thực hiện.

Chỉ đạo thiết lập các quy định của nhà trường về thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình và tổ chức hiệu quả các quy định đó. Nội dung này được hầu hết CBQL cho rằng rất cần thiết và cần thiết, nhưng có tới 45% CBQL đánh giá chưa thực hiện tốt, và 7,5% CBQL cho rằng chưa thực hiện.

Chỉ đạo việc sắp xếp tiết học theo giờ học, buổi học, môn học hợp lý, khoa học. Nội dung này được CBQL đánh giá là rất cần thiết và cần thiết nhưng vẫn còn 7,5% CBQL trả lời chưa thực hiện tốt.

Kiểm tra việc thực hiện chương trình và có biện pháp xử lý, điều chỉnh kịp thời các tình huống nhanh hoặc chậm khi thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy đã đề ra. Nội dung này có 7,5% CBQL trả lời thực hiện chưa tốt.

Kết quả điều tra ở trên phần lớn CBQL ở các trường THPT trong huyện đồng tình và cho rằng rất quan trọng khi thực hiện, những tồn tại chỉ là số ít nhưng đây là vấn đề các nhà trường cần phải xem xét và khắc phục.

Nguyên nhân của tồn tại

- Nội dung chương trình còn nặng, phân phối thời gian đôi chỗ chưa hợp lý, tổ chuyên môn chưa sát sao trong việc yêu cầu GV xây dựng kế hoạch DH cá nhân.

- Các nhà trường chưa có sự chỉ đạo thống nhất việc thiết lập các quy định về thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình giảng dạy khi DHPH.

- Việc kiểm tra đánh giá thực hiện nội dung chương trình ở một số trường còn chưa chặt chẽ, chưa tổ chức kiểm tra đánh giá rút kinh nghiệm.

Bảng 2.10: Tổng hợp ý kiến đánh giá nhận thức của CBQL về mức độ thực hiện QL nội dung chương trình

T T	Nội dung đánh giá	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tổ chức cho GV thiết kế chương trình DH chi tiết dựa vào năng lực của người học.	40	32	80.0	7	17.5	1	2.5	26	65.0	13	32.5	1	2.5
2	Tổ chức cho GV nắm vững cấu trúc chương trình dạy học, chuẩn kiến thức kỹ năng...	40	26	65.0	13	32.5	1	2.5	30	75.0	10	25.0	0	0
3	Chỉ đạo tổ bộ môn thống nhất trong GV kế hoạch giảng dạy chi tiết từng bài, từng chương, từng học kỳ phù hợp với từng đối tượng HS.	40	29	72.5	11	27.5	0	0	29	72.5	9	22.5	2	5.0
4	Chỉ đạo bố trí tiết học, buổi học, môn học hợp lý.	40	34	85.0	6	15.0	0	0	37	92.5	3	7.5	0	0
5	Chỉ đạo thiết lập các quy định của nhà trường về thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định đó.	40	27	67.5	13	32.5	0	0	19	47.5	18	45.0	3	7.5
6	Kiểm tra và có biện pháp xử lý, điều chỉnh kịp thời KH giảng dạy đã đề ra khi nhanh hoặc chậm.	40	22	55.0	17	42.5	1	2.5	37	82.5	3	7.5	0	0

2.2.2.2. *Thực trạng quản lý đổi mới phương pháp dạy học*

Đánh giá thực trạng QL công tác đổi mới PPDH khi DHPH, tôi đã sử dụng phiếu điều tra (phụ lục 2.3), kết quả điều tra bảng 2.11 cho thấy: có 58,4% ý kiến cho rằng rất cần thiết phải sử dụng kết hợp nhiều PPDH và hình thức DH khác nhau khi lên lớp. Mặt khác, còn một bộ phận GV đã xác nhận chưa thực hiện theo cách thức này (có 34,6% cho rằng sử dụng nhưng chưa nhiều; 3,67% cho rằng chưa kết hợp các hình thức học tập trong giảng dạy). Do vậy việc thực hiện hoạt động DHPH còn gặp khó khăn.

Qua kết quả trên, có thể thấy rằng, việc QL công tác đổi mới PPDH khi DHPH ở các trường THPT trong huyện chưa thực hiện tốt.

Nguyên nhân tồn tại

- Chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình được thiết kế còn nặng, việc đánh giá HS lại coi trọng kiến thức. Việc giảng dạy của GV, việc QL thực hiện chương trình đều phải bám theo SGK với những PPDH truyền thống.

- Những năm gần đây, hoạt động DH của GV đều xác định xu hướng lấy HS làm trung tâm, nhưng chưa có văn bản quy định có tính pháp lý đảm bảo cho việc thực hiện xu hướng đó có hiệu lực và hiệu quả.

- Cách thức QL ở trong các nhà trường rất đa dạng, có trường cấp tổ chuyên môn và GV chỉ là chấp hành các quyết định của các cơ quan QL cấp trên và quyết định của hiệu trưởng, các đề xuất mới không được chấp nhận. Có nơi, hiệu trưởng lại giao cho phó hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo. Các kiểu QL trên đều thiếu tính pháp lý, không đảm bảo tính hệ thống, thiếu khoa học.

- Đội ngũ GV là lực lượng quyết định kết quả của quá trình đổi mới PPDH, quyết định trong việc đảm bảo chất lượng GD. Về số lượng, phần lớn các trường đã đảm bảo. Về chất lượng, trình độ đào tạo đều đạt chuẩn, số GV có trình độ trên chuẩn chiếm tỉ lệ đáng kể. Tuy vậy, các trường THPT trong huyện vẫn còn thiếu lực lượng GV có năng lực chuyên môn tốt để đảm nhận DH theo hướng đổi mới.

Bảng 2.11: Tổng hợp ý kiến đánh giá của GV về nhận thức và mức độ thực hiện DPHH ở trường THPT hiện nay

TT	Nội dung đánh giá	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của GV						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Khảo sát hứng thú học tập của HS	272	122	44.8	148	54.4	2	0.73	112	41.1	132	48.7	28	10.2
2	Khảo sát năng lực học tập của HS	272	175	64.3	96	35.3	1	0.37	152	55.8	117	43.1	3	1.1
4	Lập kế hoạch DH, bài soạn dựa trên thang nhận thức của HS.	272	162	59.5	110	40.5	0	0	105	38.6	123	45.3	44	16.1
5	Kết hợp nhiều PPDH, phối hợp các hình thức DH.	272	159	58.4	109	40.1	4	1.47	168	61.7	94	34.6	10	3.67
6	Sử dụng các kỹ thuật dạy học phù hợp với nhu cầu của HS.	272	157	57.7	111	40.8	4	1.47	134	49.2	134	49.3	4	1.47
7	Xây dựng các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp.	272	173	63.6	94	34.5	5	1.83	124	45.6	142	52.2	6	2.2
8	GV là người giúp HS trở thành người học tự tin vào chính mình.	272	170	62.5	99	36.4	3	1.1	136	50.0	132	48.6	4	1.47
9	GV-HS, HS-HS chấp nhận và tôn trọng nhau, tạo mối quan hệ dân chủ trong nhà trường.	272	196	72.0	74	27.2	2	0.73	175	64.3	93	34.2	4	1.47

2.2.2.3. Thực trạng việc đánh giá kết quả học tập của học sinh

Kết quả học tập của HS là sự phản ánh hiệu quả của quá trình DH của GV và quá trình lĩnh hội tri thức của HS.

Để tiếp cận với thực trạng này trong các trường THPT huyện Ninh Giang, tôi đã tiến hành điều tra bằng việc trưng cầu ý kiến của đội ngũ CBQL các trường THPT (phụ lục 2.4), kết quả được tổng hợp ở bảng 2.12 như sau:

Chỉ đạo cải tiến nội dung và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích yêu cầu bài học, trình độ nhận thức của HS... Nội dung này được CBQL nhận thức là rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 27,5% CBQL trả lời chưa thực hiện tốt và 5% CBQL trả lời chưa thực hiện.

Chỉ đạo tổ chuyên môn kiểm tra đột xuất số điểm, bài kiểm tra, giờ kiểm tra... Nội dung này được CBQL đánh giá là rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 47,5% CBQL trả lời chưa thực hiện tốt và 7,5% CBQL trả lời chưa thực hiện.

Chỉ đạo tổ chuyên môn phân công GV ra đề kiểm tra chất lượng học kỳ đáp ứng quy định của DPHP, phù hợp với năng lực, nhu cầu của HS ... Nội dung này được CBQL đánh giá là rất cần thiết và cần thiết, nhưng vẫn còn 40% CBQL trả lời chưa thực hiện tốt.

Tổ chức kiểm tra, thi một cách nghiêm túc, dân chủ công khai, công bằng. Nội dung này được CBQL đánh giá là rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 20% CBQL trả lời đã thực hiện nhưng chưa tốt.

Bảng 2.12: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS

TT	Nội dung	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL và TT						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Phổ biến cho GV các văn bản quy định về chế độ kiểm tra, cho điểm, xếp loại HS ...	40	31	77.5	9	22.5	0	0	30	75.0	10	25	0	0
2	Chỉ đạo cải tiến đổi mới PP kiểm tra, đánh giá phù hợp với năng lực nhận thức của HS ...	40	24	60.0	15	37.5	1	2.5	27	67.5	11	27.5	2	5.0
3	Chỉ đạo tổ chuyên môn phân công GV ra đề kiểm tra học kỳ đáp ứng quy định của DPHP.	40	16	40.0	23	57.5	1	2.5	22	55.0	16	40.0	2	5.0
4	Chỉ đạo kiểm tra đột xuất số điểm, bài kiểm tra, đề kiểm tra ...	40	19	47.5	18	45.0	3	7.5	18	45.0	19	47.5	3	7.5
5	Tổ chức kiểm tra, thi một cách nghiêm túc, khách quan.	40	22	55.0	18	45.0	0	0	32	80.0	8	20.0	0	0

2.2.3. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học của giáo viên

2.2.3.1. Thực trạng QL việc phân công giảng dạy cho GV

Khi phân công chuyên môn, hiệu trưởng cần nhận thức việc phân công phải xuất phát từ yêu cầu của việc giảng dạy và quyền lợi học tập của toàn thể HS. Phân công chuyên môn trước hết phải vì sự tiến bộ của cả tập thể sư phạm, tạo điều kiện để người có năng lực chuyên môn tốt kèm người còn hạn chế về chuyên môn, đồng thời chú ý đúng mức đến khả năng tiếp thu kiến thức của HS. Phân công giảng dạy cho đội ngũ GV một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường sẽ nâng cao chất lượng giảng dạy.

Cuối năm học, hiệu trưởng cần xây dựng kế hoạch phát triển GD cho năm học sau. Khi được Sở GD&ĐT duyệt về chỉ tiêu tuyển sinh, số lớp... và các lớp trong năm học thì thông báo cho các tổ chuyên môn thảo luận, dự kiến phân công giảng dạy của tổ. Căn cứ vào đề xuất của các tổ chuyên môn, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tổng hợp dự kiến phân công của các tổ và quyết định sao cho đảm bảo quyền lợi của người học và thể hiện được tính dân chủ trong nhà trường, phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi GV, về kinh nghiệm giảng dạy và GD, và nguyện vọng cá nhân.

Đồng thời với phân công giảng dạy, phân công chủ nhiệm lớp, công tác xếp thời khóa biểu cũng phải được quan tâm, sắp xếp các giờ học phù hợp với đặc điểm lứa tuổi HS, với đặc điểm môn học, điều kiện của từng GV... có chú ý đến tính ổn định của thời khóa biểu.

Để khảo sát thực trạng QL việc phân công giảng dạy cho GV, tôi đã tiến hành khảo sát (phụ lục 2.5). Tổng hợp kết quả khảo sát ở bảng 2.13 cho thấy: CBQL ở các trường THPT trong huyện đều đánh giá QL việc phân công giảng dạy cho GV tương đối tốt.

Bảng 2.13: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về nhận thức và mức độ thực hiện công tác phân công GV giảng dạy

TT	Những căn cứ để phân công nhiệm vụ giảng dạy cho GV	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL và TT						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Phân công theo năng lực, trình độ	40	26	65.0	14	35.0	0	0	33	82.5	7	17.5	0	0
2	Phân công theo đề nghị của tổ bộ môn	40	24	60.0	14	35.0	2	5.0	33	82.5	7	17.5	0	0
3	Theo nguyện vọng và đúng chuyên môn đào tạo	40	33	82.5	7	17.5	0	0	27	67.5	10	25.0	3	7.5
4	Phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị	40	23	57.5	15	37.5	2	5.0	31	77.5	9	22.5	0	0

2.2.3.2. Thực trạng QL soạn bài, chuẩn bị bài lên lớp của GV

Chuẩn bị là bước quan trọng khi thực hiện mọi công việc. Chuẩn bị càng kỹ càng chủ động, đặc biệt trong lĩnh vực DH, với các bài cụ thể của từng môn học, đối với từng đối tượng HS, và trong các điều kiện khác nhau thì có phương pháp, hình thức tổ chức DH khác nhau sẽ nâng cao chất lượng DH.

Đánh giá được thực trạng QL soạn bài, chuẩn bị bài lên lớp của GV khi DHPH ở các trường THPT huyện Ninh Giang hiện nay, tôi đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến của đội ngũ CBQL ở các trường THPT trong huyện (phụ lục 2.6) và kết quả tổng hợp ở bảng 2.14 như sau:

Đề ra quy định cụ thể, thống nhất về yêu cầu soạn bài và chuẩn bị tiết dạy khi DHPH, xuất phát từ tình hình thực tế của HS... Nội dung này có 50% CBQL trả lời làm chưa tốt và 7,5% CBQL trả lời chưa làm.

Chỉ đạo ngoài việc dựa trên chương trình ban hành cần dựa vào tình hình thực tế của HS, để thống nhất trong tổ nhóm chuyên môn về: Mục tiêu bài học (kiến thức, kỹ năng, thái độ, phát triển năng lực), chi tiết nội dung DH, PPDH, hình thức tổ chức DH. Nội dung này có 30% CBQL trả lời đã thực hiện nhưng chưa tốt và 5% CBQL trả lời chưa thực hiện.

Giao cho tổ chuyên môn lập kế hoạch kiểm tra soạn bài theo yêu cầu phân hóa thường xuyên, định kỳ. Nội dung này có 35% CBQL trả lời đã thực hiện nhưng chưa tốt và 10% CBQL trả lời chưa thực hiện.

Dự giờ, đánh giá soạn giảng qua bài giảng. Nội dung này cũng được CBQL và TT coi là rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 27,5% CBQL trả lời chưa thực hiện tốt và 5% CBQL chưa thực hiện.

Bảng 2.14: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về nhận thức và mức độ thực hiện công tác QL soạn bài, chuẩn bị giờ lên lớp của GV

TT	Nội dung đánh giá	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL và TT						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Chỉ đạo tổ chuyên môn thống nhất trong tổ về: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức DPHP.	40	26	65.0	14	35.0	0	0	26	65.0	12	30.0	2	5.0
2	Đề ra những quy định cụ thể, thống nhất về việc soạn bài và chuẩn bị tiết dạy theo năng lực của HS	40	25	62.5	14	35.0	1	2.5	17	42.5	20	50.0	3	7.5
3	Giao cho tổ chuyên môn lập KH kiểm tra giáo án của GV theo yêu cầu DPHP.	40	24	60.0	15	37.5	1	2.5	22	55.0	14	35.0	4	10.0
4	Dự giờ đánh giá soạn giảng qua bài dạy	40	22	55.0	17	42.5	1	2.5	27	67.5	11	27.5	2	5.0

2.2.3.3. Thực trạng QL giờ lên lớp của GV

Để nắm bắt được thực trạng QL giờ lên lớp của GV khi thực hiện DPHP ở các trường THPT trong huyện, tôi tiến hành điều tra lấy ý kiến của đội ngũ CBQL ở trường THPT trong huyện (phụ lục 2.7), kết quả được tổng hợp ở bảng 2.15 như sau:

Chỉ đạo xây dựng tiêu chuẩn giờ lên lớp thể hiện tính chất phân hóa. Nội dung này có 30% CBQL trả lời chưa thực hiện tốt và 12,5% CBQL trả lời chưa thực hiện nội dung này.

Tổ chức dự giờ định kỳ, đột xuất và có rút kinh nghiệm. Nội dung này có 50% CBQL và TT trả lời chưa thực hiện tốt và có 7.5% CBQL và TT trả lời chưa thực hiện.

Xây dựng nền nếp giảng dạy của GV khi thực hiện DPHP. Nội dung này có 55% CBQL và TT trả lời đã thực hiện nhưng chưa tốt và 5% CBQL và TT trả lời chưa thực hiện.

Chỉ đạo sử dụng kết quả thực hiện nền nếp giảng dạy của GV khi thực hiện DPHP để đánh giá, xếp loại GV. Nội dung này, các ý kiến được khảo sát đều cho rằng rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 52,5% CBQL và TT trả lời đã thực hiện nhưng chưa tốt và 5% CBQL và TT trả lời chưa thực hiện.

Nguyên nhân:

Do một bộ phận GV chưa phát huy hết vai trò, tinh thần trách nhiệm của mình đối với nghề nghiệp, chưa thật sự tâm huyết với nghề.

Chưa có cơ chế đãi ngộ đối với GV, vì thực hiện DPHP yêu cầu GV phải vất vả, đầu tư nhiều công sức để chuẩn bị và thực hiện việc giảng dạy.

Công tác xây dựng nền nếp giảng dạy khi thực hiện DPHP chưa đi vào chiều sâu, chưa có biện pháp khuyến khích động viên.

Bảng 2.15: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về nhận thức và mức độ thực hiện công tác quản lý giờ lên lớp của GV

TT	Nội dung đánh giá	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL và TT						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	QL giờ dạy thông qua kế hoạch giảng dạy chi tiết, sổ báo giảng ...	40	19	47.5	21	52.5	0	0	33	82.5	6	15	1	2.5
2	Chỉ đạo xây dựng tiêu chuẩn giờ lên lớp thể hiện DHPH	40	18	45.0	21	52.5	1	2.5	23	57.5	12	30.0	5	12.5
3	Tổ chức dự giờ định kỳ, đột xuất và có rút kinh nghiệm.	40	15	37.5	24	60.0	1	2.5	17	42.5	20	50.0	3	7.5
4	Xây dựng nền nếp giảng dạy của GV trong DHPH.	40	19	47.5	19	47.5	5	5.0	16	40.0	22	55.0	2	5.0
5	Chỉ đạo sử dụng kết quả thực hiện nền nếp DHPH trong đánh giá xếp loại thi đua của GV.	40	17	42.5	22	55.0	1	2.5	17	42.5	21	52.5	2	5.0

2.2.3.4. Thực trạng QL sinh hoạt tổ chuyên môn và hồ sơ chuyên môn của GV

Khảo sát thực trạng QL sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn và hồ sơ chuyên môn của GV khi thực hiện DHPH ở các trường THPT trong huyện hiện nay, tôi đã tiến hành điều tra xin ý kiến của đội ngũ CBQL tại các trường THPT (phụ lục 2.8), kết quả được tổng hợp ở bảng 2.16 như sau:

Chỉ đạo xây dựng tiêu chuẩn hồ sơ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của DHPH. Nội dung này được CBQL đánh giá rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 32,5% CBQL trả lời chưa thực hiện tốt và 10% CBQL trả lời chưa thực hiện.

Chỉ đạo tổ chuyên môn lập kế hoạch, xây dựng nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn khi thực hiện DHPH. Nội dung này được CBQL đánh giá rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 15% CBQL trả lời đã thực hiện nhưng chưa tốt.

Yêu cầu tổ trưởng chuyên môn báo cáo thường xuyên nội dung, kết quả hoạt động chuyên môn của tổ. Nội dung này được CBQL đánh giá rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 50% CBQL trả lời đã thực hiện nhưng chưa tốt và 7,5% CBQL trả lời chưa thực hiện.

Khen thưởng, động viên kịp thời GV có đầy đủ hồ sơ chuyên môn theo yêu cầu đặt ra, chất lượng hồ sơ tốt. Nội dung này được CBQL đánh giá là rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 52,5% CBQL trả lời đã thực hiện nhưng chưa tốt và 15% CBQL trả lời chưa thực hiện.

Nguyên nhân:

Hiệu trưởng nhà trường chưa thấy hết được vai trò, trách nhiệm, vị trí quan trọng của tổ chuyên môn.

Việc sinh hoạt tổ chuyên môn còn mang nặng tính hình thức, chưa có sự đổi mới. Nội dung sinh hoạt còn mang tính hành chính, chưa đi sâu bàn những công việc cụ thể để phục vụ DH để nâng cao chất lượng GD của nhà trường.

Nguồn kinh phí để hỗ trợ động viên, khen thưởng cho GV có thành tích trong công tác giảng dạy và GD còn hạn chế, chưa có tác dụng động viên.

Bảng 2.16: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL chuyên môn về nhận thức và mức độ thực hiện công tác QL sinh hoạt tổ chuyên môn và hồ sơ chuyên môn

TT	Nội dung	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL và TT						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Chỉ đạo tổ chuyên môn lập KH, xây dựng nội dung sinh hoạt tổ, nhóm đáp ứng yêu cầu DHPH	40	25	62.5	15	37.5	0	0	33	82.5	6	15.0	1	2.5
2	Chỉ đạo xây dựng tiêu chuẩn hồ sơ chuyên môn đáp ứng DHPH.	40	24	60.0	15	37.5	1	2.5	23	57.5	13	32.5	4	10.0
3	Yêu cầu tổ trưởng chuyên môn báo cáo thường xuyên nội dung, kết quả hoạt động chuyên môn của tổ.	40	15	37.5	24	60.0	1	2.5	17	42.5	20	50.0	3	7.5
4	Khen thưởng, động viên kịp thời GV có đầy đủ hồ sơ chuyên môn theo yêu cầu đặt ra.	40	23	57.5	17	42.5	0	0	13	32.5	21	52.5	6	15

2.2.3.5. *Thực trạng QL công tác bồi dưỡng GV kỹ năng dạy học phân hóa ở các trường THPT huyện Ninh Giang*

Những năm gần đây Bộ GD&ĐT đã liên tục tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho GV cốt cán các bộ môn của các tỉnh, và đã dành một khoản kinh phí không nhỏ cho công việc này. Tuy nhiên về chất lượng tập huấn chưa đáp ứng yêu cầu của DPHP.

Thông qua tìm hiểu thì nhận xét của một số CBQL và dư luận trong ngành về thực trạng QL công tác bồi dưỡng GV trong thời gian qua như sau:

- Sở GD&ĐT căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thành lập ban chỉ đạo của tỉnh, xây dựng kế hoạch, phối hợp với các trường THPT thực hiện kế hoạch.

- Thành lập các tổ GV cốt cán cấp tỉnh, cấp huyện cho từng bộ môn, họ được tập huấn tại các lớp bồi dưỡng do Bộ GD&ĐT tổ chức sau đó về làm nhiệm vụ tập huấn lại cho đội ngũ GV các bộ môn của tỉnh.

- Phần lớn các đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng GV theo kế hoạch do Sở GD&ĐT chỉ đạo. Tuy nhiên công tác tự bồi dưỡng của GV thực hiện chưa có hiệu quả, còn hình thức, chưa tiến hành kiểm tra để đánh giá kết quả, nội dung bồi dưỡng chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu...

- Đã lập ra ban chỉ đạo công tác bồi dưỡng GV cấp tỉnh, trực tiếp chỉ đạo công tác kiểm tra, đánh giá công tác bồi dưỡng GV thông qua chuyên viên Sở GD&ĐT, các báo cáo viên. Các đợt bồi dưỡng đều tiến hành phân nhóm thảo luận, làm một số sản phẩm thực tế theo yêu cầu, có tổng kết đánh giá và khắc phục hạn chế.

Đối với các trường THPT công tác bồi dưỡng GV được thực hiện theo sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT, có năm Sở GD chỉ triệu tập 1GV/môn đi bồi dưỡng sau đó về trường truyền đạt lại nội dung bồi dưỡng, thực hiện như vậy có nhiều hạn chế, sự truyền đạt của GV đi bồi dưỡng cho những GV khác không đầy đủ, còn hình thức...

Nhận xét: Sở GD&ĐT Hải Dương đã phối hợp với các trường THPT thực hiện tương đối tốt công tác bồi dưỡng GV đã mang lại hiệu quả, nâng cao chất lượng GD cho từng đơn vị nói riêng và toàn tỉnh nói chung.

2.2.4. *Thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh*

Các trường THPT trong huyện đã bước đầu thực hiện DPHP, để nắm được thực trạng học tập của các HS trong các nhà trường, tôi đã tiến hành thông qua phiếu

điều tra xin ý kiến của đội ngũ CBQL chuyên môn ở các trường THPT (phụ lục 2.9), được tổng hợp ở bảng 2.17 như sau:

Chỉ đạo GVCN lớp xây dựng nền nếp học tập, GD ý thức, động cơ thái độ và tư vấn phương pháp học tập cho HS. Nội dung này được CBQL đánh giá là cần thiết và rất cần thiết, nhưng có 27,5% CBQL trả lời chưa làm tốt.

Chỉ đạo các lực lượng trong nhà trường giám sát nề nếp tự học của HS. Nội dung này được CBQL cho là cần thiết, tuy nhiên còn 7,5% trả lời chưa làm tốt.

Có kế hoạch động viên, khen thưởng và kỷ luật kịp thời, để kích thích tinh thần, thái độ học tập của HS. Nội dung này các CBQL trả lời là rất cần thiết và cần thiết, nhưng có 12,5% CBQL trả lời chưa thực hiện tốt, và 2,5 trả lời chưa thực hiện.

Quan tâm việc tổ chức hướng dẫn, tư vấn phương pháp học tập cho HS. Nội dung này được CBQL đánh giá là rất cần và cần thiết, nhưng có 45% CBQL trả lời chưa làm tốt việc này.

Chỉ đạo tổ chức bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu. Vấn đề này được CBQL được khảo sát trả lời rất cần và cần thiết, nhưng còn 12,5% CBQL đánh giá chưa thực hiện tốt việc này.

Thực tế khi khảo sát cho thấy có khoảng 60% HS trả lời bản thân có nhu cầu, động cơ và quyết tâm cao trong học tập, còn lại 40% HS gặp lúng túng khi xác định mục tiêu học tập dẫn tới kết quả học tập còn thấp. Vì vậy, người QL trong các trường học không chỉ quan tâm tới việc QL đổi mới nội dung chương trình, PPDH của GV, đầu tư đầy đủ CSVC, mà còn phải quan tâm đầy đủ tới việc QL động cơ, thái độ học tập, ý chí vươn lên của HS.

Nguyên nhân

- Một số HS chưa xác định rõ động cơ, thái độ học tập của mình.
- Cũng còn có GV chưa thực sự tâm huyết với nghề, chưa quan tâm đến đối tượng người học như nhu cầu, năng lực, tình cảm...
- Công tác QL của nhà trường chưa có sự đổi mới, chưa tạo ra cơ chế để GV phải tự nguyện phát huy hết năng lực, trình độ, lòng nhiệt tình của mình.

Bảng 2.17: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về công tác QL hoạt động học tập của HS

TT	Nội dung đánh giá	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL và TT						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Chỉ đạo GVCN, kết hợp với Đoàn TN, GV bộ môn giám sát nền nếp học tập của HS.	40	28	70.0	12	30.0	0	0	37	92.5	3	7.5	0	0
2	Chỉ đạo GVCN lớp xây dựng nền nếp, GD ý thức, động cơ và phương pháp học tập cho HS.	40	29	72.5	11	27.5	0	0	29	72.5	11	27.5	0	0
3	Động viên, giúp đỡ, khen thưởng và kỷ luật kịp thời, công bằng.	40	27	67.5	13	32.5	0	0	34	85.0	5	12.5	1	2.5
4	Quan tâm việc tổ chức, hướng dẫn phương pháp học tập, rèn cho HS một kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.	40	21	52.5	19	47.5	0	0	22	55.0	18	45.0	0	0
5	Tổ chức bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu.	40	35	87.5	5	12.5	0	0	35	87.5	5	12.5	0	0

2.2.5. Thực trạng việc QL việc kiểm tra, đánh giá của cán bộ quản lý

Để nắm được thực trạng QL việc kiểm tra đánh giá của CBQL trong QL DHPH, tôi đã thực hiện thông qua phiếu xin ý kiến của CBQL ở các trường THPT trong huyện (phụ lục 2.10) và được tổng hợp trong bảng 2.18.

Xác định trách nhiệm của CBQL trong việc kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ của GV, nội dung này được CBQL xác định là nhiệm vụ rất cần thiết, nhưng có 15% CBQL cho rằng chưa thực hiện tốt nhiệm vụ.

Chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn xây dựng tiêu chuẩn để làm cơ sở cho việc kiểm tra đánh giá xếp loại GV, các CBQL đánh giá là rất cần thiết, nhưng có 8% CBQL cho rằng chưa thực hiện tốt.

Đánh giá xếp loại GV dựa trên cơ sở của kết quả kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ của GV, nội dung này được CBQL đánh giá là rất cần thiết, nhưng có 12,5% CBQL cho rằng đã thực hiện nhưng chưa tốt.

Có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất GV khi thực hiện nhiệm vụ, nội dung này được CBQL cho rằng rất cần thiết, trong đó có 11% CBQL chưa thực hiện tốt nội dung này.

Bảng 2.18: Tổng hợp ý kiến đánh giá của CBQL về mức độ cần thiết và mức độ thực hiện công tác quản lý việc kiểm tra, đánh giá của cán bộ quản lý

T T	Nội dung đánh giá	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL và TT						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Xác định trách nhiệm của CBQL trong việc kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ của GV	40	30	75.0	10	25.0	0	0	34	85.0	6	15.0	0	0
2	Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra làm cơ sở kiểm tra, đánh giá, xếp loại GV	40	29	72.5	11	27.5	0	0	36	90.0	3	7.5	1	2.5
3	Đánh giá xếp loại GV dựa trên kết quả kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của GV	40	31	77.5	9	22.5	0	0	35	87.5	5	12.5	0	0
4	Có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất GV	40	23	57.5	17	42.5	0	0	22	55.0	18	45.0	0	0

2.2.6. Thực trạng QL các điều kiện hỗ trợ hoạt động dạy học phân hóa

Để có thông tin đầy đủ về thực trạng QL các điều kiện hỗ trợ DH ở các trường THPT trong huyện, tôi đã tiến hành khảo sát thông qua phiếu lấy ý kiến của đội ngũ CBQL (phụ lục 2.11), kết quả được tổng hợp ở bảng 2.19 như sau:

Việc cung cấp đủ đồ dùng DH để GV thực hiện đổi mới PPDH và HS đổi mới phương pháp học tập. Nội dung này được CBQL trả lời là rất cần thiết nhưng có 27,5% CBQL trả lời chưa thực hiện tốt và 20% CBQL trả lời chưa thực hiện.

Đầu tư đồng bộ, kiểm tra đánh giá, quản lý sử dụng CSVC nhà trường. Nội dung này có 52,5% CBQL trả lời làm chưa tốt và 12,5% CBQL trả lời chưa thực hiện công tác này.

Bồi dưỡng nghiệp vụ QL, sử dụng đồ dùng DH cho GV và cán bộ phụ trách phòng TBDH. Nội dung này được đánh giá là rất cần thiết và cần thiết nhưng có 65% trả lời đã làm nhưng chưa tốt, và 7,5% trả lời chưa thực hiện.

Kiểm tra việc sử dụng đồ dùng DH của GV dựa vào sổ đăng ký sử dụng đồ dùng DH, báo cáo của nhân viên thí nghiệm, phản ánh của HS. Nội dung này được nhận thức là cần thiết nhưng có 47,5% CBQL trả lời việc thực hiện chưa tốt và 5% CBQL trả lời chưa thực hiện.

Nguyên nhân

- Còn có trường trang bị không đầy đủ về đồ dùng DH do vậy GV gặp khó khăn trong việc đổi mới PPDH.

- Có trường thì đồ dùng DH được trang bị từ lâu, hàng năm không có sự bổ sung mua mới, do đó có sự lạc hậu về TBDH.

- Trình độ kỹ năng sư phạm của một số GV chưa đáp ứng được yêu cầu như: cách thức sử dụng, các bước tiến hành, việc bảo quản đồ dùng... nó ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng, hiệu quả DH.

- Cán bộ phụ trách thiết bị thí nghiệm ở các trường chủ yếu làm việc kiêm nhiệm, không có chuyên môn nghiệp vụ...

Để khắc phục được những tồn tại trên cần nêu cao trách nhiệm của cơ quan QL các cấp, trực tiếp là CBQL các nhà trường.

Bảng 2.19: Tổng hợp ý kiến của CBQL về mức độ nhận thức và mức độ thực hiện công tác quản lý CSVC trường học

TT	Nội dung đánh giá	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá											
			Nhận thức của CBQL và TT						Mức độ thực hiện					
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện tốt		Đã làm nhưng chưa tốt		Chưa làm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Cung cấp đủ các điều kiện thiết yếu để GV thực hiện đổi mới PPDH.	40	21	52.5	19	47.5	0	0	21	52.5	11	27.5	8	20.0
2	Có kế hoạch trang bị CSVC trường học, phòng học bộ môn ...	40	35	87.5	5	12.5	0	0	30	75.0	10	25.0	0	0
3	Yêu cầu tổ chuyên môn xây dựng quy trình sử dụng phương tiện dạy học cho từng chuyên môn.	40	19	47.5	21	52.5	0	0	22	55.0	16	40.0	2	5.0
4	Khuyến khích GV sáng tạo, thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học tự làm.	40	22	55.0	18	45.0	0	0	14	35.0	24	60.0	2	5.0
5	Tổ chuyên môn kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của GV.	40	17	42.5	23	57.5	0	0	18	45.0	20	50.0	2	5.0
6	Bồi dưỡng nghiệp vụ QL, sử dụng đồ dùng DH cho CBQL và GV.	40	18	45.0	22	55	0	0	11	27.5	26	65.0	3	7.5
7	Đầu tư đồng bộ, kiểm tra đánh giá, quản lý sử dụng CSVC.	40	17	42.5	23	57.5	0	0	14	35.0	21	52.5	5	12.5
8	Kiểm tra việc sử dụng đồ dùng DH dựa vào báo cáo của nhân viên thiết bị thí nghiệm, phản ánh của HS ...	40	19	47.5	21	52.5	0	0	19	47.5	19	47.5	2	5.0

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Những mặt mạnh

2.3.1.1. Về nhận thức

Qua thực tế cho thấy, các thầy cô giáo tâm huyết với nghề, cống hiến cho sự nghiệp GD, hết lòng vì HS thân yêu. Phần lớn các thầy cô đã nhận thức được trong giai đoạn tiến hành đổi mới GD hiện nay thì DPHP là tất yếu, phù hợp với xu thế phát triển của GD thế giới, tuy nhiên các thầy cô khi thực hiện DPHP vẫn theo những kinh nghiệm tích lũy trong thời gian công tác, còn CBQL nhà trường vẫn QL theo kinh nghiệm, truyền thống, chưa tiếp cận được nhiều về lý luận QL DPHP.

2.3.1.2. Về quản lý chương trình

Chương trình DH được các trường THPT trong huyện được thực hiện một cách nghiêm túc, có các biện pháp kiểm tra thường xuyên. Trong các năm học các trường đều thực hiện đúng kế hoạch DH, đảm bảo đúng tiến độ, bám sát vào phân phối chương trình của Sở GD&ĐT.

2.3.2.3. Về công tác quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên

Kế hoạch năm học do Hiệu trưởng xây dựng dựa trên các văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của nhà trường, được thông qua trước hội đồng sư phạm, đồng thời có kế hoạch tổ chức thực hiện đảm bảo tính hợp lý, khoa học.

Trong việc phân công giảng dạy cho GV, hầu hết hiệu trưởng các trường đều dựa trên cơ sở năng lực, nguyện vọng của GV sao cho phù hợp với nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Sự phân công công tác đã thể hiện được tính dân chủ trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu, phù hợp với năng lực, sở trường, hoàn cảnh của GV, tạo điều kiện tốt nhất để nâng cao chất lượng DH.

Công tác bồi dưỡng GV đều được các nhà trường quan tâm, hàng năm đều tổ chức bồi dưỡng cho GV về chuyên môn nghiệp vụ.

Xây dựng kế hoạch và duy trì chế độ kiểm tra, thanh tra chuyên môn đối với đội ngũ GV. Phối hợp với các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, quần sinh... để kiểm tra đánh giá việc thực hiện nền nếp dạy và học.

Các nhà trường đều xây dựng được tiêu chí thi đua, đánh giá xếp loại GV ngay từ đầu năm học, và được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

2.3.2.4. Về công tác quản lý hoạt động học tập của học sinh

Các trường đã làm tốt công tác tổ chức lớp, đảm bảo sắp xếp các lớp phù hợp với nguyện vọng của HS. Xây dựng và QL tốt nề nếp của HS, chỉ đạo đoàn thanh niên trực tiếp theo dõi việc chấp hành nội quy HS, có biện pháp xử lý, đánh giá xếp loại thi đua. Hàng năm số HS xếp loại hạnh kiểm Khá, Tốt chiếm trên 90%.

Thực hiện tốt việc phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục HS.

2.3.2.5. Về công tác quản lý xây dựng và bảo vệ cơ sở vật chất trường học

Các trường đều tích cực đầu tư kinh phí để xây dựng các phòng học bộ môn, mua bổ sung các TBDH mới. Có kế hoạch bảo quản hệ thống CSVC phục vụ DH, tích cực chỉ đạo GV làm đồ dùng DH bổ sung cho những đồ dùng còn thiếu, tổ chức nghiệm thu những đồ dùng GV tự làm, có biện pháp khen thưởng kịp thời.

2.3.2.6. Về công tác quản lý môi trường học tập

Các trường đều xây dựng được cảnh quan môi trường giáo dục xanh - sạch - đẹp, bầu không khí đoàn kết, thân thiện... đáp ứng yêu cầu của DPHH.

2.3.2.7. Về công tác bồi dưỡng GV

Trước mỗi năm học Sở GD&ĐT đều chỉ đạo thực hiện công tác bồi dưỡng cho CBQL và GV. Các lớp bồi dưỡng được thực hiện dưới hình thức bồi dưỡng tập trung... đáp ứng được yêu cầu của DPHH.

2.3.2. Những mặt hạn chế

2.3.2.1. Về nhận thức

Vẫn còn một bộ phận CBQL, GV, HS chưa quan tâm đến vấn đề DPHH. Chưa nhận thức đầy đủ những ưu việt mà DPHH mang lại, cũng như sự phù hợp của phương pháp này với xu thế phát triển chung của GD.

2.3.2.2. Về chương trình

- Chương trình hiện hành, nội dung một số phần, một số bài của một số môn học chưa phù hợp với nhận thức của HS, kiến thức còn nặng, thiếu tính thực tiễn.

- Phân phối chương trình của một vài môn còn chưa phù hợp, giữa lượng kiến thức của một chương một bài, một tiết học, một số bài học thì lý thuyết và bài tập chưa có sự phù hợp, thời gian thực hành không nhiều.

2.3.2.3. Về quản lý hoạt động dạy học của giáo viên

Khi thực hiện DPHP việc QL các hoạt động như: chuẩn bị bài lên lớp, sinh hoạt tổ nhóm, lập kế hoạch, thực hiện chương trình các môn, QL giờ lên lớp của GV... còn chưa chặt chẽ, nặng về hình thức, chưa đổi mới, chưa quan tâm đến người học, chưa thể hiện rõ nét của DPHP. Còn tồn tại những vấn đề sau:

- Khi xây dựng kế hoạch của tổ, kế hoạch DH của môn, kế hoạch cá nhân... còn hình thức, sơ sài. CBQL khi duyệt kế hoạch của tổ chuyên môn, tổ trưởng kiểm tra giáo án của GV còn mang tính hình thức, chưa quan tâm nhiều đến nội dung.

- Đối với GV chưa quan tâm nhiều đến chất lượng của giáo án. Công tác dự giờ, rút kinh nghiệm còn ít, mang tính đối phó, phương pháp DH chưa đổi mới.

- Trong quá trình thực hiện một số GV chưa có sự đổi mới trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.

2.3.2.4. Về quản lý hoạt động học tập của học sinh

- Khi thực hiện DPHP, việc phổ biến của nhà trường cho các em HS, phụ huynh HS chưa được thấu đáo, sự chuyển biến về nhận thức chưa nhiều.

- Để tìm hiểu năng lực và nguyện vọng của HS chưa có sự phối hợp giữa HS, gia đình và nhà trường. Các lực lượng trong nhà trường khi QL hoạt động học tập của HS chưa đạt hiệu quả cao.

- Công tác kiểm tra, đánh giá xếp loại HS chưa thực sự đổi mới, chưa thực sự phản ánh đúng chất lượng học tập của HS. Công tác bồi dưỡng đội tuyển HS giỏi hiệu quả chưa cao, việc phụ đạo HS yếu kém chưa được quan tâm nhiều.

- Chương trình học tập một số nội dung chưa phù hợp, không phù hợp với trình độ nhận thức của HS, không tạo hứng thú học tập cho HS.

2.3.2.5. Về CSVC trường học phục vụ cho dạy học

- CSVC một số trường chưa đáp ứng được nhu cầu còn thiếu phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, các TBDH, các phương tiện hiện đại để hỗ trợ DH.

- Việc sử dụng đồ dùng, TBDH của GV chưa được thường xuyên, không hiệu quả. Cán bộ đảm nhiệm thiết bị đồ dùng chủ yếu là kiêm nhiệm, thiếu nghiệp vụ.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện phong trào tự làm đồ dùng chưa hiệu quả, chất lượng chưa cao, số lượng không nhiều.

2.3.2.6. Về chế độ, chính sách

Về chế độ ngân sách, tài chính: Thực hiện DPHH kế hoạch GD sẽ đa dạng hơn, hoạt động DH có thêm nhiều yêu cầu mới, cần xây dựng kế hoạch ngân sách để đáp ứng được yêu cầu của DPHH.

Về chế độ chính sách với GV: Cần có chính sách phù hợp cho GV để tạo động lực cho DPHH có hiệu quả. Có chế độ thích hợp với cán bộ phụ trách đồ dùng DH, kinh phí để bồi dưỡng nghiệp vụ cho bộ phận này.

Về công tác bồi dưỡng GV: Đã được các cấp QL quan tâm, thực hiện công tác bồi dưỡng GV hàng năm, hầu hết GV của các trường THPT đều được GV cốt cán của Sở GD-ĐT bồi dưỡng. Tuy nhiên để thực hiện DPHH thì họ chưa được bồi dưỡng một cách hệ thống từ việc xác định năng lực, nhu cầu, khả năng của từng HS... để xác định mục tiêu DH, xây dựng kế hoạch, soạn giáo án và kế hoạch kiểm tra đánh giá xếp loại HS.

Nhận xét chung: Trong những năm gần đây các trường THPT trong huyện đã thực hiện DPHH, PPDH đã bước đầu được đổi mới, thực hiện DH hướng vào HS, coi HS là trung tâm, đáp ứng nhu cầu, năng lực, nguyện vọng của HS và đã đạt được kết quả tương đối khả quan, góp phần vào sự phát triển của GD trong huyện.

Phần lớn GV có ý thức trong việc đổi mới PPDH, đã tạo ra những chuyển biến lớn về chất lượng GD.

CSVC các trường được quan tâm đầu tư để đáp ứng DH, các trường đã đủ các phòng học kiên cố.

2.3.3. Nguyên nhân của những thành công và những hạn chế trong quản lý hoạt động dạy học phân hóa của các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

2.3.3.1. Nguyên nhân thành công trong quản lý hoạt động dạy học phân hóa

Nguyên nhân chủ quan

Đội ngũ CBQL, GV đã nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của DPHH, sự phù hợp của nó với xu thế phát triển của GD hiện nay.

Năng lực QL của đội ngũ CBQL được nâng lên, lực lượng này đã tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ QL. Trong quá trình thực hiện đã có nhiều sáng tạo trong quá trình QL, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Việc chỉ đạo đổi mới PPDH, QL giảng dạy, QL học tập, QL kiểm tra đánh giá, sinh hoạt tổ chuyên môn, công tác dự giờ đã đi vào nề nếp, có hiệu quả.

Môi trường GD đã được CBQL quan tâm đúng mức, tạo môi trường làm việc cho GV và học tập cho HS. Thực hiện đầy đủ về nội dung chương trình DH đảm bảo về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và phát triển năng lực của HS.

Thực hiện tốt công tác đánh giá xếp loại thi đua của cán bộ, GV, có biện pháp khen thưởng kịp thời, động viên sự cố gắng của GV.

Nguyên nhân khách quan

Sự phát triển kinh tế chính trị, xã hội của địa phương tạo thuận lợi để đầu tư CSVC trường học đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học.

Các tổ nhóm, GV được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện chương trình, kế hoạch DH được xây dựng phù hợp với nhà trường.

Sở GD&ĐT đã trực tiếp chỉ đạo, có kế hoạch bồi dưỡng GV, các tài liệu hỗ trợ hoạt động DH, có chế độ chính sách đối với GV, tạo điều kiện thuận lợi cho GV thực hiện nhiệm vụ. Các văn bản đề xuất các biện pháp để thực hiện DPH đã được ban hành để CBQL, GV căn cứ tham khảo và thực hiện.

Đời sống của GV được cải thiện, có nhiều biện pháp khuyến khích nhà giáo, do vậy GV đã có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ. Phụ huynh HS đã có sự quan tâm đến việc học tập của con em mình, tạo điều kiện về thời gian cũng như đầu tư phương tiện phục vụ học tập.

Các trường đại học bước đầu được giao quyền tự chủ trong công tác tuyển sinh nên DPH có được một số thuận lợi nhất định. Sự phát triển của công nghệ thông tin đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác QL và giảng dạy của GV.

2.3.3.2. Nguyên nhân những hạn chế trong quản lý hoạt động dạy học phân hóa

Nguyên nhân chủ quan

Đội ngũ CBQL, GV chưa nhận thức hết mục đích, ý nghĩa, sự phù hợp của DPH trong xu thế đổi mới GD hiện nay. Một bộ phận nhỏ CBQL còn hạn chế về năng lực, nghiệp vụ QL, chưa tích cực tự học, tự bồi dưỡng.

Công tác chỉ đạo đổi mới PPDH, QL việc lập kế hoạch, QL giảng dạy, QL học tập chưa sâu sát. Việc dự giờ, rút kinh nghiệm giờ dạy của một số hiệu trưởng còn ít, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn còn chung chung, kém hiệu quả.

Một số CBQL chưa quan tâm đến việc xây dựng môi trường làm việc của GV cũng như môi trường học tập của HS.

Nguyên nhân khách quan

Hệ thống CSVC, trang thiết bị, đồ dùng DH của một số trường còn thiếu chưa đáp ứng được yêu cầu của dạy và học. Nội dung chương trình hiện hành còn quá tải so với trình độ nhận thức của HS, các kiến thức chưa phù hợp với điều kiện thực tế.

Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, tài liệu hướng dẫn DHPH, về giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở GD chưa kịp thời; chế độ chính sách đối với GV chưa có tác dụng tạo động lực phấn đấu.

Chưa tổ chức được các lớp tập huấn bồi dưỡng GV về quy trình DHPH một cách bài bản, hệ thống, khoa học.

Đa số HS trong huyện ở vùng nông thôn, đời sống còn khó khăn, kiện học tập còn thiếu thốn. Sự phát triển của kinh tế tư nhân, các xưởng công nghiệp được lập ra đã thu hút nhiều nhân công chưa qua đào tạo, xu hướng HS đi làm ngay sau khi tốt nghiệp THPT đã tạo ra những khó khăn nhất định cho việc DHPH.

Một số CBQL làm QL lâu năm chủ yếu còn dựa vào kinh nghiệm QL, mới chỉ qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ QL nên còn gặp khó khăn trong việc nắm bắt hệ thống lý luận QL để thực hiện vận dụng vào thực tiễn.

Kết luận chương 2

Trong chương này, tôi đã tiến hành khảo sát tình hình DH và DHPH ở 5 trường THPT của huyện Ninh Giang. Qua đó đã nêu được thực trạng của QL DHPH của các trường THPT trong huyện. Từ đó cần nêu cao vai trò, chức năng của hiệu trưởng trong QL: Kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra để QL có hiệu quả việc thực hiện chương trình; hoạt động dạy của GV; hoạt động học của HS; quản lý CSVC trường học, QL môi trường sư phạm phục vụ cho DHPH.

Thông qua tìm hiểu thực tế, cho thấy các trường THPT trong huyện đã có nhiều cố gắng trong thực hiện DHPH nhưng vẫn còn một số hạn chế:

- Một số CBQL, GV chưa nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí, trách nhiệm của mình trong thời kỳ GD đang tiến hành đổi mới.

- Nội dung chương trình còn khá nặng, phân phối thời lượng ở một số chương, bài của một số môn chưa hợp lý.

- Tổ chuyên môn chưa sát sao chỉ đạo GV xây dựng kế hoạch DH cá nhân, quy trình soạn bài, công tác kiểm tra hồ sơ của GV...

- Nhà trường chưa có sự chỉ đạo thống nhất trong việc thiết lập các quy định DHPH. Việc xây dựng tiêu chuẩn giờ lên lớp thể hiện tính chất phân hóa, còn có trường thực hiện chưa tốt.

- Công tác dự giờ rút kinh nghiệm, và việc xây dựng nề nếp giảng dạy của GV đã được các trường thực hiện nhưng chưa tốt. Sử dụng kết quả kiểm tra việc thực hiện nề nếp trong đánh giá, xếp loại GV chưa có hiệu quả cao. Chưa phát huy hết tiềm năng của đội ngũ GV, do chưa được bồi dưỡng DHPH một cách có hệ thống. Chế độ tài chính cho GV chưa xứng đáng với công sức họ đầu tư.

- Điều kiện CSVC, trang thiết bị phục vụ cho DH đã được đầu tư trang bị, tuy nhiên vẫn còn thiếu, lạc hậu, không phù hợp.

- Trong chương này tôi đã phân tích nguyên nhân chủ quan và khách quan gây ra hạn chế đó. Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, chúng tôi đề xuất một số biện pháp QL DHPH, qua đó nâng cao chất lượng DH của các trường THPT trong huyện. Nội dung này được đề cập trong chương 3.

Chương 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC PHÂN HÓA Ở CÁC TRƯỜNG THPT HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Những định hướng phát triển giáo dục của huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương trong những năm tới

Quán triệt nghị quyết của Đảng và các văn bản chỉ đạo của ngành GD, Đảng bộ, UBND huyện Ninh Giang đã căn cứ vào thực tế của địa phương để đưa ra định hướng phát triển GD trên địa bàn huyện. Trong "*Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ những năm tiếp theo*" của UBND huyện (tháng 12/2015) trình tại kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân huyện khoá XIV đã chỉ rõ "Tiếp tục chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho các năm học tiếp theo. Tập trung củng cố đội ngũ CBQL GD, phát triển đội ngũ GV đảm bảo đủ số lượng và chú trọng chất lượng; lập kế hoạch tu sửa CSVC nhà trường... Tiếp tục xây dựng nhiều trường đạt chuẩn quốc gia... tổ chức tốt công tác bồi dưỡng thay SGK, tuyển sinh vào các lớp học, ngành học... Đẩy mạnh công tác xã hội hoá GD; khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng hoá các mô hình nhà trường,...". Đồng thời, đối với giáo dục THPT, báo cáo cũng đưa ra những định hướng trong những năm tới: "Giáo dục THPT tiếp tục triển khai và hoàn thành tốt chương trình thay SGK. Đề nghị các cấp có thẩm quyền kiểm tra công nhận trường THPT Khúc Thừa Dụ đạt chuẩn quốc gia".

Báo cáo chú trọng tới chất lượng đào tạo của cấp THPT với số lượng trên 95% đỗ tốt nghiệp và trên 60% HS được vào học các trường Đại học, Cao đẳng, trên 30% vào học các trường dạy nghề,... thu hút được trên 90% số HS học xong THCS vào học tại các trường THPT trên địa bàn huyện.

Muốn đạt được mục tiêu trên cho cấp học THPT huyện Ninh Giang, cần đầu tư nguồn lực, công tác QL hoạt động DHPH trong các trường THPT được chú trọng như một khâu đột phá. Với quan điểm như vậy, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số biện pháp QL hoạt động DHPH ở các trường THPT huyện Ninh Giang.

3.2. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp

3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

Các biện pháp đề ra cần hướng tới mục đích thực hiện mục tiêu giáo dục THPT nói chung và mục tiêu dạy học các môn học nói riêng. Cần tác động tích cực, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng DHPH.

Mục đích của QLDH nói chung và DHPH nói riêng là tạo điều kiện và giám sát, đánh giá, điều chỉnh hoạt động giảng dạy của GV trong cả quá trình để HS học tập đạt kết quả.

3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ

Các biện pháp QLDH ở trường THPT nói chung và DHPH nói riêng được đề xuất có thể có những biện pháp đã được áp dụng, những biện pháp đề xuất trong đề tài này tuy chưa đầy đủ nhưng đều có mối quan hệ biện chứng với nhau. Để đảm bảo sự thành công của QL DHPH nếu chỉ áp dụng một hoặc vài ba biện pháp riêng lẻ không gắn kết với nhau, không hướng vào mục đích chung thì không thể phát huy được tác dụng mà cần một số biện pháp tạo thành hệ thống đồng bộ.

3.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Tính thực tiễn, ở đây tác giả sử dụng bao gồm tính khả thi và tính hiệu quả:

Tính khả thi, nói lên rằng biện pháp đưa ra có thể thực hiện được ở trường THPT với điều kiện có. Các biện pháp phải được thực hiện một cách rộng rãi và được điều chỉnh để ngày càng hoàn thiện.

Tính hiệu quả, các biện pháp đề ra phải đem lại hiệu quả nhất định. Các biện pháp QL DHPH xét cho cùng nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Tính hiệu quả của các biện pháp QL thể hiện:

- Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, HS và phụ huynh HS về DHPH;
- Đảm bảo đáp ứng nhu cầu phân hóa HS;
- Thúc đẩy động lực đội ngũ GV trực tiếp giảng dạy nhằm nâng cao ý thức, đạo đức, lương tâm, trách nhiệm nghề nghiệp của họ. Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục;
- Từng bước hoàn thiện CSVC-TBDH phục vụ tốt cho hoạt động DH và GD.

3.3. Các biện pháp quản lý dạy học phân hoá ở trường THPT

3.3.1. Nâng cao năng lực nhận thức, trách nhiệm và trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh học sinh về dạy học phân hóa

3.3.1.1. Mục đích của biện pháp

Mục đích của biện pháp là nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của DHPH cho mọi lực lượng sư phạm và trong xã hội, để có hiểu biết đúng, có thái độ tích cực ủng hộ cho DHPH, nhằm nâng cao hiệu lực QL DHPH và nâng cao chất lượng DH của các trường THPT.

Để đạt được mục tiêu mà Đảng ta xác định là phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại... coi phát triển GD là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản toàn diện nền GD Việt Nam theo hướng hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, PPDH ở tất cả các cấp học, bậc học. Tích cực chuẩn bị để từ năm 2018 thực hiện chương trình GD phổ thông mới. [3]

3.3.1.2. Nội dung của biện pháp và giải pháp thực hiện

Để thực hiện nâng cao chất lượng GD hiện nay, vấn đề nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của DHPH cho các thành viên trong nhà trường, ngoài xã hội, các ban ngành có liên quan là điều cần phải thực hiện trước tiên.

Trong quá trình thực hiện đổi mới chương trình và SGK giáo dục phổ thông, thì trọng tâm là đổi mới nội dung, PPDH, DH chú trọng đến tính tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo, góp phần phát triển năng lực tự học. Vì vậy, để tổ chức triển khai thực hiện việc DH và QL DHPH trong các trường THPT trong huyện thì chúng ta cần làm cho mọi thành viên trong nhà trường, các bậc phụ huynh HS hiểu được tư tưởng chủ đạo của DHPH, nguyên tắc của DHPH, đặc điểm của DHPH... Các lực lượng nhận thức được DHPH trở thành xu thế chung của các nước trên thế giới, triết lý sâu xa của DHPH là hướng tới các giá trị riêng của mỗi HS trên cơ sở những giá trị chung về năng lực và các phẩm chất khác theo mục tiêu GD của từng cấp học.

Mục đích này cũng đã được nêu trong Luật Giáo dục: “Phương pháp GD phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của HS; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm

việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS”[12].

Khi thực hiện nhiệm vụ, cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu các nhà trường phải nhận thức việc DHPH hiện nay trở thành xu thế chung của nhiều nước trên thế giới, hướng tới các giá trị nhân văn trong GD, DHPH có vai trò và lợi ích to lớn. Khi thực hiện một phương án DH mới sẽ vấp phải rào cản của tư duy cũ, vì vậy cần có sự giác ngộ về nhận thức, thấu hiểu, rồi tuyên truyền phổ biến cho mọi thành viên trong và ngoài nhà trường để họ nhận thức đúng, thấy được đổi mới DH là khách quan.

Để triển khai nhiệm vụ năm học, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức cho toàn thể cán bộ GV học tập nhiệm vụ năm học, quán triệt các nhiệm vụ trọng tâm của cấp học, cần nhấn mạnh đổi mới PPDH và đổi mới QLDH là nhiệm vụ trọng tâm, chú ý tuyên truyền phổ biến tính ưu việt của DHPH.

Ban chấp hành Đảng bộ, ban Chi ủy các nhà trường cần tăng cường công tác chỉ đạo, ra nghị quyết về công tác DHPH, để nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của việc DHPH.

Sau mỗi năm học nhà trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện công tác DHPH, làm rõ kết quả đạt được và những hạn chế, nguyên nhân của kết quả, tìm ra biện pháp khắc phục những hạn chế.

Để nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, HS..., Hiệu trưởng các nhà trường cần cụ thể hóa đường lối thành các công việc, cụ thể như:

- Thành lập Ban chỉ đạo đổi mới PPDH, và DHPH, thành phần gồm: Ban giám hiệu, các tổ trưởng chuyên môn và đại diện các tổ chức đoàn thể.
- Trưởng ban chỉ đạo phân công các thành viên sưu tầm tài liệu, nghiên cứu, soạn thảo nội dung, phổ biến cho từng đối tượng của nhà trường.
- Thư viện các nhà trường cần được trang bị các tài liệu, sách, báo có nội dung liên quan đến DHPH để mọi người tham khảo, học tập.
- Trong kế hoạch năm học của Hiệu trưởng cần đặt nhiệm vụ trọng tâm của năm học vào việc đổi mới PPDH theo tinh thần phân hóa. Tổ chức các cuộc hội thảo trao đổi những kinh nghiệm về biện pháp DHPH của các trường trong huyện, tham quan học tập những trường đạt kết quả tốt khi tổ chức DHPH.

3.3.1.3. Điều kiện thực hiện

Khi học tập nhiệm vụ năm học, nhà trường cần cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng, của nhà nước; nhiệm vụ của ngành học, cấp học, của địa phương và kế hoạch của nhà trường bằng những công việc cụ thể phù hợp với mỗi bộ môn, mỗi cá nhân trong nhà trường. Ban chỉ đạo đổi mới PPDH là lực lượng nòng cốt tuyên truyền, vận động cán bộ GV, HS nhận thức vai trò, tác dụng, hiệu quả của DHPH.

Hiệu trưởng phải cân đối, dành khoản tài chính thỏa đáng để thực hiện các kế hoạch đề ra, động viên khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích cao khi thực hiện nhiệm vụ.

3.3.2. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chuyên môn và GV trong quá trình thực hiện dạy học phân hoá

3.3.2.1. Mục đích của biện pháp

Trong trường THPT, tổ chuyên môn là bộ phận rất quan trọng và không thể thiếu trong việc điều hành hoạt động dạy và học. Xu hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chuyên môn và GV đã và đang được thực hiện ở các trường THPT, đây là biện pháp đề cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chuyên môn và GV trong nhà trường.

Tổ chuyên môn và GV khi được giao nhiệm vụ sẽ tạo môi trường làm việc thuận lợi, GV có thể chủ động lựa chọn nội dung, PPDH thích hợp, linh hoạt phù hợp với đặc điểm của HS, của lớp học, trên cơ sở xây dựng các mối quan hệ hợp tác giữa HS với GV, giữa GV với CBQL trong hoạt động DH và QL DHPH.

Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chuyên môn và GV nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo trong học tập, hoàn thiện các kỹ năng, khả năng vận dụng kiến thức nâng cao chất lượng học tập cho HS.

3.3.2.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Để thực hiện được biện pháp này, Hiệu trưởng cần tập trung vào những vấn đề sau:

Một là: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nội dung chương trình. Cấp THPT là cấp cuối cùng của GD phổ thông, mục tiêu của cấp học là trang bị cho HS những tri thức, kỹ năng, thái độ và những năng lực cần thiết để HS có thể tiếp tục học cao hơn, mặt khác cần định hướng nghề nghiệp, giúp HS khi học xong THPT có khả năng chọn ngành, chọn nghề phù hợp.

Chương trình GD phổ thông được Bộ GD&ĐT quy định mang tính chất pháp lý, các trường THPT trên cả nước phải thực hiện. Nhưng do sự phát triển không đều giữa các vùng miền, giữa các đối tượng HS, các điều kiện DH khác nhau nên cần có sự áp dụng thích hợp khi thực hiện chương trình các môn học sao cho phù hợp với từng trường, từng đối tượng HS.

Để làm được điều đó, Hiệu trưởng nên tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chuyên môn và GV. Tăng cường tính tự chủ về nội dung chương trình DH với mục tiêu phù hợp với đối tượng HS. Khi được giao quyền các tổ chuyên môn và mỗi GV cần nghiên cứu để nắm vững nội dung chương trình, SGK, chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học, lập kế hoạch đánh giá thực trạng đội ngũ GV, đặc điểm đối tượng HS của từng khối lớp, các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động DH của nhà trường.

Căn cứ vào chương trình GD, khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT về giảng dạy các môn học, những nội dung mới, nội dung giảm tải để xây dựng chương trình môn học sao cho phù hợp.

Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn xây dựng chương trình cụ thể, kế hoạch thực hiện, những nội dung và phương pháp được áp dụng. Tổ chức hội thảo, hội nghị để đóng góp ý kiến, thống nhất kế hoạch. Xây dựng kế hoạch DH chi tiết và được nhà trường phê duyệt, GV có nhiệm vụ thực hiện nghiêm túc kế hoạch DH được cụ thể bằng nội dung, PPDH ở các bài giảng đảm bảo phân hóa HS.

Hai là: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong QL việc thực hiện kế hoạch

- *QL kế hoạch của tổ chuyên môn*: Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, tổ trưởng chuyên môn có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn GV xây dựng, kiểm tra và QL kế hoạch cá nhân.

- *QL kế hoạch của GV*: Căn cứ kế hoạch của nhà trường, của tổ chuyên môn, tổ trưởng yêu cầu GV lập kế hoạch giảng dạy cho các khối lớp được phân công, đăng ký thi đua và các chỉ tiêu phấn đấu. Giáo án là hồ sơ quan trọng nhất và phải thể hiện được nội dung, PPDH. Kế hoạch giảng dạy khi DHPH được xây dựng trên nhu cầu người học, các văn bản hướng dẫn, kế hoạch chung của nhà trường.

Để kế hoạch cá nhân có tính khả thi, đầu năm học các nhà trường cần tiến hành khảo sát đầu vào của các khối lớp, điều tra lý lịch, đăng ký nguyện vọng học

theo khối, đăng ký học các môn tự chọn của HS, trên cơ sở đó sắp xếp lớp học phù hợp để GV căn cứ vào đó để xây dựng kế hoạch.

- *QL xây dựng thời khóa biểu*: Thời khóa biểu phải đảm bảo tính khoa học, hiệu quả. Các ý kiến của tổ chuyên môn, của GV về bố trí lịch dạy phải được nhà trường quan tâm để giải quyết nhưng phải tuân thủ những nguyên tắc chung.

Ba là: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong QL thực hiện quy chế chuyên môn

Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu DHPH, các nhà trường xây dựng quy chế QL chuyên môn trên tinh thần tạo điều kiện để các tổ chuyên môn và GV chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ của mình.

- *QL việc soạn giáo án và chuẩn bị bài lên lớp*: Giáo án của GV phải dựa vào năng lực nhận thức của HS; kết hợp sử dụng nhiều phương pháp, nhiều hình thức tổ chức DH phù hợp với nội dung bài học, đối tượng HS, sử dụng các TBDH phù hợp; có kế hoạch đánh giá kết quả học tập của HS, kết hợp các hình thức đánh giá, quá trình đánh giá diễn ra suốt quá trình giảng dạy.

- *QL giờ lên lớp của GV*: Đánh giá giờ dạy thực hiện theo quy định của cấp trên. Khi thực hiện DHPH, nhà trường cần phải thảo luận, xây dựng, quy định tiêu chuẩn để đánh giá tiết dạy cho phù hợp. Nhắc nhở GV nghiên cứu các tiêu chí đánh giá để thực hiện đầy đủ các yêu cầu của DHPH.

- *QL hoạt động học của HS*: Phải làm tốt công tác GD tư tưởng, nhận thức để HS có động cơ học tập đúng đắn. GV chủ nhiệm và GV bộ môn thường xuyên quan tâm tới tập thể lớp, từng đối tượng HS...

Chỉ đạo các tổ chuyên môn, hướng dẫn GV bộ môn phổ biến cho HS nắm được đầy đủ nội dung chương trình môn học, quy chế đánh giá xếp loại HS và các quy định của nhà trường, giúp HS có khả năng tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả học tập, có kế hoạch phấn đấu.

Phát huy ưu điểm của hình thức học tập theo nhóm, phân công HS khá giỏi giúp đỡ HS có kết quả học tập hạn chế. Tổ chức sinh hoạt ngoại khóa trao đổi phương pháp học tập, khen thưởng kịp thời HS có thành tích cao trong học tập.

Đổi mới nội dung sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn hướng vào việc thúc đẩy tinh thần tự giác học tập và rèn luyện của HS.

Tổ chức thi HS giỏi cấp trường, tham gia thi HS giỏi tỉnh, các sân chơi trí tuệ, các cuộc thi tìm hiểu,... để tạo hứng thú học tập của HS.

Bốn là: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong QL đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn

Chất lượng hoạt động của tổ chuyên môn có tác dụng quan trọng nâng cao chất lượng giảng dạy. Hiệu trưởng trực tiếp phê duyệt kế hoạch của tổ chuyên môn, giao cho tổ trưởng kiểm tra duyệt giáo án của GV, chú ý về nội dung, PPDH, đặc biệt chú ý tới đối tượng HS. Tổ trưởng chỉ đạo các nhóm bộ môn thống nhất mục tiêu DH, nội dung, hình thức tổ chức DH, kiến thức trọng tâm bài học, thống nhất nội dung kiểm tra 15 phút, 45 phút, kiểm tra học kỳ phù hợp với từng đối tượng HS.

Hiệu trưởng phải xây dựng quy chế hoạt động của tổ chuyên môn, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của tổ trưởng. Đề ra các biện pháp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ QL của tổ trưởng.

Khi sinh hoạt chuyên môn nội dung chủ yếu là để GV phản ánh và đề ra biện pháp sát thực cho hoạt động dạy và học. Chỉ đạo các nhóm chuyên môn và GV xây dựng kế hoạch DH thể hiện DPHP. Kế hoạch nêu rõ các nội dung DH, các PPDH mới được áp dụng; các điều kiện hỗ trợ hoạt động DH.

Tổ chức dự giờ rút kinh nghiệm cho các tiết dạy mẫu, phổ biến và nhân rộng những hình thức, PPDH có hiệu quả. Khuyến khích GV viết sáng kiến kinh nghiệm, báo cáo các chuyên đề để nâng cao chất lượng DPHP.

Sáng tạo trong việc đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên quan tâm và tổ chức cho GV trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, trao đổi những bài dạy khó để đáp ứng yêu cầu DPHP, lựa chọn PPDH phù hợp với các đối tượng HS; quan tâm giúp đỡ GV mới ra trường về cách thiết lập kế hoạch, soạn giáo án, hồ sơ chuyên môn.

Năm là: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong QL đổi mới PPDH của GV

Đổi mới PPDH thực sự có hiệu quả thì phải bắt đầu từ tổ chuyên môn. Khâu quyết định là việc soạn giáo án, vì giáo án là kế hoạch thể hiện công tác chuẩn bị cho việc chuyển tải kiến thức đến một đối tượng HS cụ thể trong một thời gian nhất định, với các phương pháp phù hợp. Tổ trưởng chỉ đạo các nhóm bộ môn đổi mới trong

cách xác định mục tiêu bài học, phải đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, trong đó chú ý xây dựng hệ thống các PPDH phù hợp với các đối tượng HS.

Yêu cầu GV khi soạn giáo án phải định hướng chuyển trọng tâm thiết kế hoạt động của thầy sang hoạt động của trò; giáo án phải là một bản kế hoạch hoàn chỉnh, phương án tối ưu để đạt kết quả DH cao nhất. GV bộ môn tăng cường tổ chức cho HS tham gia các hoạt động học tập như làm việc cá nhân, cặp đôi, theo nhóm. Tạo mối quan hệ dân chủ và thân thiện giữa thầy - trò, giữa trò - trò.

Tổ trưởng yêu cầu GV bộ môn ghi lại những vấn đề cần rút kinh nghiệm sau mỗi tiết dạy, những ý kiến phản hồi từ HS, qua các bài kiểm tra, kết quả học tập của HS, ý kiến góp ý của đồng nghiệp. Tổ trưởng chuyên môn cần vận dụng lý thuyết QL sự thay đổi để chỉ đạo việc lựa chọn nội dung, PPDH trong tổ chuyên môn.

Tăng cường ứng dụng các phần mềm hỗ trợ DH, các phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ việc DH. Trang bị đầy đủ cho các phòng bộ môn, đảm bảo cho các giờ thí nghiệm, thực hành có hiệu quả, gắn lý thuyết với thực tiễn.

Một vấn đề quan trọng để đổi mới PPDH có hiệu quả đó chính là nhận thức của mỗi GV, GV bộ môn phải tâm huyết với nghề, hết lòng vì HS, có phương pháp sư phạm phù hợp, tích cực và tự giác trong việc đổi mới PPDH, luôn biết cách khích lệ HS phấn đấu, là tấm gương để HS noi theo.

Sáu là: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong QL bồi dưỡng, nâng cao năng lực dạy học phân hóa cho GV

Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực DHPH cho GV có hiệu quả, thì hiệu trưởng cần chú ý đến đề xuất của các tổ. Các tổ tự thấy được nhu cầu của GV cần phải được bồi dưỡng những vấn đề gì, cách thức bồi dưỡng. Chính vì vậy, cần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chuyên môn trong việc xây dựng kế hoạch, nội dung, thời gian, kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng GV.

Thành lập ban chỉ đạo công tác bồi dưỡng GV do Hiệu trưởng làm trưởng ban, thành viên là Ban giám hiệu, các TT, GV cốt cán các bộ môn. Tập trung giao quyền cho các TT trước trưởng ban trong thực hiện nhiệm vụ này.

Khi thực hiện Hiệu trưởng chỉ đề ra mục tiêu, kế hoạch bồi dưỡng chung cho toàn trường và chỉ đạo TT căn cứ vào nhu cầu GV trong tổ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng GV.

Trường ban chỉ đạo thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá, động viên GV, các tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả kế hoạch bồi dưỡng. Có cơ chế tài chính phù hợp phục vụ, tạo động lực cho công tác bồi dưỡng.

Bây là: Tự chủ trong việc thảo luận đề ra các tiêu chí thi đua cho năm học

Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá, xếp loại GV theo quy định, Ban giám hiệu nhà trường xây dựng các tiêu chí, cách xếp loại GV theo tiêu chí của DPHH, các tổ chuyên môn nghiên cứu, thảo luận, góp ý.

Trong hội nghị cán bộ, viên chức đầu năm các tiêu chí thi đua được đưa ra trao đổi, thống nhất, để mỗi cán bộ, GV nắm được và thực hiện, GV căn cứ vào đó để xây dựng kế hoạch cá nhân.

Thành lập ban theo dõi thi đua gồm Ban giám hiệu, các tổ trưởng, chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn thanh niên. Đồng chí phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn phụ trách tổng hợp và báo cáo kết quả thi đua. Cụ thể hóa các hình thức khen thưởng, kỷ luật, động viên kịp thời những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong thực hiện nhiệm vụ.

Trong xu thế đổi mới của GD hiện nay, vai trò của phân cấp QL, và tăng cường tính tự chủ cho các tổ, nhóm chuyên môn, GV và người học được chủ động, sáng tạo, phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ. Mô hình QL này tạo điều kiện cho các tổ, nhóm chuyên môn, GV tự quyết định việc lựa chọn nội dung, PPDH một cách linh hoạt và phù hợp với điều kiện DH và đặc điểm của HS.

Như vậy, để QL DPHH cần phân cấp QL trong nhà trường, cần đề cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ, nhóm chuyên môn và GV. Thực hiện được như vậy mới thực sự phát huy tối ưu các phẩm chất và năng lực cũng như đáp ứng nhu cầu của người học, phát huy hết tinh thần trách nhiệm của GV, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

3.3.2.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Phát động và duy trì có hiệu quả phong trào thi đua “Dạy tốt-học tốt”.
- Hiệu trưởng cần quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ TT chuyên môn, đội ngũ GV, và có khoản kinh phí thích hợp để thực hiện. Giao quyền chủ động cho các tổ chuyên môn trong việc bồi dưỡng GV.

- Sử dụng có hiệu quả hệ thống CSVC, thực hiện xã hội hóa để bổ sung những TBDH phục vụ DH. Hiệu trưởng cần quan tâm đầu tư CSVC, TBDH các bộ môn, có nguồn kinh phí động viên GV sáng tạo và làm đồ dùng DH.

- Phân công giảng dạy phù hợp với mỗi GV, sắp xếp thời khóa biểu hợp lý.

- Mỗi bộ môn phải cử các GV tiến hành dạy thử vài ba tiết để dự giờ, rút kinh nghiệm, có xếp loại giờ dạy, động viên khen thưởng kịp thời những giờ dạy có chất lượng tốt. Phân công GV cốt cán các bộ môn giúp đỡ GV mới ra trường, GV còn hạn chế về năng lực.

- Thực hiện sự phân cấp, phân quyền trong QL chuyên môn một cách thống nhất, phù hợp đảm bảo những quy định về nguyên tắc, nhưng tạo điều kiện để GV vận dụng sáng tạo nội dung, phương pháp DH.

3.3.3. Tổ chức cho GV cam kết chất lượng dạy học

3.3.3.1. Mục đích của biện pháp

Thực hiện DHPH cần thực hiện cam kết chất lượng dạy học, quán triệt tinh thần sự phạm hợp tác. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chuyên môn, GV phải gắn với cam kết chất lượng. Điều này thể hiện niềm tin của cán bộ QL đối với tổ chuyên môn, GV và tạo điều kiện để GV thể hiện tinh thần trách nhiệm của bản thân với nhà trường, với HS.

Làm như vậy đảm bảo được tính nghiêm minh trong QL, phát huy được nội lực của GV. Yêu cầu GV thực hiện cam kết chất lượng dạy học, tạo điều kiện để phát huy được tính dân chủ, công khai, công bằng khi thực hiện nhiệm vụ, đồng thời tạo ra bầu không khí hợp tác, tin tưởng lẫn nhau.

3.3.3.2. Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Để thực hiện có hiệu quả biện pháp cần căn cứ vào các yếu tố sau:

Ban giám hiệu nắm vững được năng lực chuyên môn của từng GV để phân công công việc phù hợp. Khảo sát đánh giá trình độ, đặc điểm của HS từng lớp học, kiểm tra, đánh giá về các điều kiện hỗ trợ hoạt động DH. Ban giám hiệu cùng ban chuyên môn, công đoàn nhà trường làm việc với mỗi GV thảo luận xây dựng cam kết chất lượng.

Hiệu trưởng phối hợp với Ban chấp hành công đoàn tổ chức triển khai thực hiện cam kết chất lượng “đầu vào-đầu ra”, khảo sát đánh giá chất lượng HS các bộ

môn từ đầu năm, giao chất lượng đầu năm (đầu vào), đến cuối năm khi có kết quả giáo dục (đầu ra) để đánh giá chất lượng giảng dạy của GV. Giao cho các tổ, nhóm chuyên môn họp để thống nhất các chỉ tiêu cần cam kết chất lượng DH.

Trong hội nghị cán bộ viên chức đầu năm tổ chức ký cam kết hợp đồng chất lượng, cùng với phát động phong trào đổi mới PPDH, nâng cao chất lượng GD. Bản cam kết chất lượng được chuẩn bị theo mẫu chung, huy động sự thống nhất trong tập thể và được công khai hóa.

Ban chuyên môn nắm bắt kịp thời những phản ánh của GV khi thực hiện cam kết, tạo điều kiện thuận lợi để GV thực hiện nhiệm vụ, tạo mối quan hệ hợp tác, theo dõi và giúp đỡ GV khi triển khai còn gặp khó khăn.

3.3.3.3. Điều kiện thực hiện

Để thực hiện có hiệu quả biện pháp này cần phải làm tốt công tác tư tưởng để mọi người nhận thức yêu cầu khách quan của việc thực hiện cam kết. Đây là một biện pháp thể hiện sự đổi mới tư duy trong QLDH.

Nhà trường cần xây dựng những quy định cụ thể và thích hợp về chế độ, đãi ngộ, khen thưởng kịp thời với những thành tích lao động của GV.

Giành một khoản kinh phí thích hợp và thời gian thỏa đáng cho việc nghiên cứu, soạn thảo các cam kết chất lượng DH.

3.3.4. Thường xuyên giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết chất lượng của giáo viên

3.3.4.1. Mục đích của biện pháp

Thường xuyên giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết chất lượng chính là kiểm soát chất lượng DH của nhà trường. Thực hiện một cách dân chủ, công khai khi đánh giá bản cam kết chất lượng, qua đó kịp thời phát hiện những khó khăn nảy sinh trong quá trình thực hiện của GV, lập kế hoạch bồi dưỡng, hỗ trợ kịp thời về chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện thực hiện, giúp GV hoàn thành tốt công việc.

Thường xuyên giám sát, đánh giá với mục đích để kiểm soát được quá trình thực hiện cam kết từ hai phía: Hiệu trưởng và mỗi GV, kiểm tra đánh giá công khai, dân chủ, đồng viên khen thưởng kịp thời những cá nhân dạy tốt, học tốt, tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua “hai tốt” phát triển.

3.3.4.2. Nội dung của biện pháp và giải pháp thực hiện

Căn cứ các văn bản hướng dẫn về kiểm định chất lượng GD, Hiệu trưởng thành lập Ban thẩm định chất lượng DH, yêu cầu GV thực hiện đúng quy định chế độ kiểm tra, đánh giá, xếp loại kết quả học tập của HS.

Hiệu trưởng chỉ đạo Ban chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá giờ dạy của GV, khảo sát kết quả học tập của HS. Nội dung kiểm tra phải theo đúng bản cam kết chất lượng, đảm bảo khả thi, hiệu quả cao.

Các lực lượng hỗ trợ Hiệu trưởng tiến hành thường xuyên giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết chất lượng như công đoàn và một số GV cốt cán các bộ môn.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ của đơn vị, đảm bảo cho công tác kiểm tra được thường xuyên và định kỳ, công khai kết quả kiểm tra đánh giá vào các đợt sơ kết và tổng kết thi đua cuối kỳ hoặc cuối năm học. Xây dựng kế hoạch khảo sát định kỳ để đánh giá chất lượng học tập của từng lớp với tất cả các môn.

3.3.4.3. Điều kiện thực hiện

Tăng cường nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ GV trong thực hiện nhiệm vụ. Phân công, phân cấp hợp lý đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn của CBQL và nhà giáo.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và kiểm tra nội bộ trường học, phát huy vai trò, trách nhiệm của Ban thanh tra nhân dân trong nhà trường.

Phổ biến đầy đủ các văn bản, các quy chế quy định về kiểm tra đánh giá xếp loại HS; thường xuyên đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá.

Xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài để động viên khen thưởng kịp thời những cá nhân có thành tích cao trong công tác dạy và học.

3.3.5. Xây dựng các điều kiện hỗ trợ cho dạy học phân hóa

3.3.5.1. Mục đích của biện pháp

Xây dựng nhà trường phát triển cần quan tâm tới hai nguồn lực: đội ngũ GV và CSVC, hai nguồn lực này hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau. Khi có đội ngũ GV chuyên môn vững vàng, cần phải trang bị đầy đủ CSVC, các trang thiết bị hỗ trợ DHPH. Có nguồn kinh phí thích hợp để phục vụ cho công tác này, tạo điều kiện tốt nhất nâng cao chất lượng dạy và học.

3.3.5.2. Nội dung của biện pháp và giải pháp thực hiện

* Về CSVC, các điều kiện hỗ trợ DH

- Trên cơ sở kết hoạch năm học, nhà trường lập kế hoạch xây dựng CSVC, mua sắm các TBDH. Chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng đồ dùng, TBDH, đảm bảo phát huy hiệu quả trong dạy và học khi thực hiện DPHP.

- Sử dụng gắn với công tác bảo quản, phân công GV có năng lực phụ trách TBDH, có kế hoạch theo dõi việc sử dụng của GV, báo cáo tình trạng TBDH để có kế hoạch bổ sung thiết bị còn thiếu, hướng dẫn GV sử dụng hiệu quả các TBDH. Có kế hoạch bồi dưỡng năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách TBDH.

- Khuyến khích GV và HS tự làm những đồ dùng còn thiếu, nghiệm thu những đồ dùng có chất lượng, có nguồn tài chính để động viên kịp thời.

- Nâng cao nhận thức cho đội ngũ GV về việc sử dụng TBDH, giúp họ thấy được sự cần thiết, và có nhu cầu sử dụng thường xuyên, thấy được hiệu quả tất yếu khi sử dụng TBDH. Khi xây dựng kế hoạch chuyên môn, các tổ cần nêu rõ các TBDH sử dụng, đề xuất bổ sung những thiết bị còn thiếu.

- Thường xuyên trao đổi, bồi dưỡng nghiệp vụ cho GV khi sử dụng phòng học bộ môn và TBDH đảm bảo tính sư phạm và mang lại hiệu quả.

- Xây dựng hệ thống phòng học bộ môn theo hướng chuyên môn hóa, phát huy tối đa hiệu quả của TBDH, tạo được hứng thú học tập, phát triển năng lực HS.

- Những trường chưa có phòng bộ môn theo môn học thì có thể sử dụng phòng nghe nhìn; phòng thực hành các môn tự nhiên; phòng học ngoại ngữ- tin học. Giao cho cán bộ phụ trách TBDH chuẩn bị và làm nhiệm vụ trợ giảng.

Như vậy: Xây dựng các điều kiện về CSVC - TBDH phục vụ DPHP là biện pháp đi tới mục tiêu: Có đủ phòng học bộ môn, phòng thực hành; trang bị đầy đủ TBDH theo kế hoạch DPHP; đảm bảo tính hiện đại, đồng bộ của TBDH, phù hợp với nhà trường; các cấp QL cần quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà trường trong việc cung ứng TBDH; HS tăng cường vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

** Môi trường dạy học trong nhà trường*

Một nhà trường có uy tín và chất lượng cao về GD, cần có một môi trường sư phạm để ở đó thầy say mê, sáng tạo, nhiệt huyết với công việc; học trò chăm ngoan, có ý chí phấn đấu. Trong đó người thầy là yếu tố quyết định chất lượng GD.

Muốn đạt được cần xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực; hoàn thiện CSVC, nhà trường xanh - sạch - đẹp - an toàn. Có cơ chế chính sách đãi ngộ GV, đề họ chuyên tâm vào giảng dạy, cống hiến hết mình cho sự nghiệp trồng người.

Xây dựng mối quan hệ hợp tác, dân chủ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng nhà trường thành tập thể đoàn kết.

3.3.5.3. Điều kiện thực hiện

Cơ quan QL cấp trên như UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, Sở Tài chính cần quan tâm đầu tư kinh phí để tăng cường CSVC các nhà trường.

Làm tốt công tác xã hội hóa GD, tăng cường CSVC cho nhà trường.

Tăng cường sự QL chặt chẽ của hiệu trưởng, cán bộ quản lý TBDH, các GV bộ môn đối với hệ thống CSVC hiện có.

Đảm bảo nguồn kinh phí cần thiết cho việc bảo quản, duy trì tốt trạng thái hoạt động, sửa chữa và mua sắm thiết bị phục vụ DH hàng năm.

Xây dựng phòng tin học đảm bảo đồng bộ, hiện đại; xây dựng website của nhà trường phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn. Có biện pháp để bồi dưỡng nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho cán bộ GV.

Nâng cao nhận thức cho cán bộ, GV về vai trò và tác dụng của CSVC-TBDH, thực hiện tốt trách nhiệm cùng các bộ phận có liên quan trong việc QL, hoàn thiện CSVC-TBDH cho bộ môn.

3.4. Mối quan hệ giữa các biện pháp QL dạy học phân hóa

Để các biện pháp QL DPHPH phát huy hiệu quả tại các trường THPT trong huyện, CBQL các nhà trường phải thấy được mối quan hệ biện chứng, sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các biện pháp. Bên cạnh đó CBQL cần phải biết phối hợp giữa các biện pháp để các biện pháp hỗ trợ nhau, tạo điều kiện cho các biện pháp được thực thi một cách dễ dàng và thuận lợi.

Trong các biện pháp đưa ra, biện pháp thứ nhất là quan trọng nhất vì nó là cơ sở để thực hiện tốt các biện pháp còn lại. Biện pháp thứ nhất đề cập đến vấn đề nhận

thức, đây là cơ sở của hành động, muốn hành động đúng thì phải có nhận thức đúng. Khi tác động vào nhận thức thì phải cần cả một quá trình, vì vậy CBQL phải tiến hành biện pháp này thường xuyên và liên tục.

Biện pháp thứ hai được coi là biện pháp cơ bản, thực hiện sự phân cấp QL tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chuyên môn và GV trong việc xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung, PPDH sao cho phù hợp với đặc điểm, hoàn cảnh, năng lực của HS và điều kiện thực tế nhà trường.

Biện pháp thứ ba, quan tâm xác định trách nhiệm công tác giữa GV và CBQL nhà trường, đảm bảo chất lượng hoạt động từ phía đội ngũ GV và CBQL. Biện pháp thứ tư sẽ thúc đẩy, khích lệ, phát huy nội lực về chuyên môn, trách nhiệm với HS của GV trong thực hiện nhiệm vụ.

Biện pháp thứ năm, đây là biện pháp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho DHPH.

3.5. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất

Để kiểm định lại tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp QL đề xuất, tác giả dùng phiếu hỏi để lấy ý kiến của CBQL.

Những CBQL mà tác giả lựa chọn ở các trường THPT huyện Ninh Giang là Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng và tổ phó các tổ chuyên môn.

Sau khi xây dựng xong mẫu phiếu xin ý kiến, tác giả trực tiếp đến gặp các CBQL để xin ý kiến về mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất theo phụ lục 2.13.

Phân tích nội dung của 64 phiếu xin ý kiến của CBQL đã cho tác giả biết được tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp QL DHPH ở các trường THPT huyện Ninh Giang.

Quan niệm về mức độ cần: Rất cần 3 điểm; cần thiết 2 điểm, không cần thiết 1 điểm.

Đánh giá về mức độ khả thi: Rất khả thi 3 điểm; khả thi 2 điểm, không khả thi 1 điểm.

Sau đó nhân với số phiếu tán thành rồi tính trung bình cộng và xếp thứ các biện pháp (bảng 3.1).

Bảng 3.1. Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp QL đề xuất sắp xếp theo thứ bậc

STT	Nội dung các Biện pháp đề xuất	Tính cần thiết			X	Thứ Bậc	Tính khả thi			Y	Thứ Bậc
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết			Rất khả thi	khả thi	Không khả thi		
1	Nâng cao năng lực nhận thức, trách nhiệm và trình độ cho CBQL, GV và các lực lượng về DHPH.	33	30	1	2.5	1	35	29	0	2.55	1
2	Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ CM và GV khi thực hiện DHPH	32	31	1	2.48	2	25	39	0	2.39	4
3	Tổ chức cho GV cam kết chất lượng DH	31	32	1	2.47	4	29	31	4	2.39	4
4	Thường xuyên giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết chất lượng của GV.	31	29	4	2.42	5	31	33	0	2.48	3
5	Xây dựng các điều kiện hỗ trợ DHPH	31	33	0	2.48	2	33	31	0	2.51	2

Kết quả khảo nghiệm cho thấy, đa số các ý kiến cho rằng các biện pháp do tác giả đề xuất là cần thiết và có tính khả thi cao.

Biện pháp 1: Nâng cao năng lực nhận thức, trách nhiệm và trình độ cho CBQL, GV và các lực lượng về DHPH. Được đánh giá là cần thiết nhất và khả thi nhất. Một lần nữa khẳng định để cho các công việc được thực hiện tốt thì việc thông nhất trong nhận thức cũng như trong hành động rất quan trọng.

Biện pháp 5: Xây dựng các điều kiện hỗ trợ DHPH. Các ý kiến khẳng định là rất cần thiết và rất khả thi (đứng thứ bậc 2). Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các điều kiện hỗ trợ dạy học.

Biện pháp 2: Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ CM và GV khi thực hiện DHPH. Các ý kiến cho rằng rất cần thiết (ở thứ bậc 2), tuy nhiên tính khả thi chưa cao (thứ bậc 4).

Biện pháp 3: Tổ chức cho GV cam kết chất lượng DH. Các ý kiến đánh giá tính cần thiết tương ứng bậc 4. Thực chất đây là đổi mới tư duy QL của hiệu trưởng nhà trường, điều này cần phải thực hiện. Tính khả thi được đánh giá ở thứ bậc 4, điều đó lí giải hầu hết một số CBQL còn thụ động lệ thuộc vào văn bản cấp trên, chưa dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Biện pháp 4: Thường xuyên giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết chất lượng của GV. Tính cần thiết được đánh giá tương ứng thứ bậc 5, tính khả thi ở thứ bậc 3

Kết luận chương 3

Xuất phát từ thực tiễn và lý luận QL mà tác giả đề xuất các biện pháp QL hoạt động DHPH ở các trường THPT huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Các biện pháp này không hoàn toàn mới mà có tính kế thừa và phát triển để đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn giáo dục THPT hiện nay ở Huyện Ninh Giang. Hiệu quả của mỗi biện pháp không tách rời trong hệ thống các biện pháp QL giáo dục trong nhà trường nói chung và QL hoạt động DHPH nói riêng. Các biện pháp đề xuất đều mối quan hệ biện chứng, tác động, hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện. Mỗi biện pháp giữ một vị trí trong quá trình thực hiện, chúng không tách rời nhau và chỉ thực sự phát huy hiệu quả cao nhất khi thực hiện đồng bộ các biện pháp DHPH nói riêng và các biện pháp GD nói chung trong nhà trường. Trong điều kiện cụ thể của từng trường, CBQL có thể thực hiện các biện pháp theo thứ tự khác nhau cho phù hợp và đạt được hiệu quả.

Các biện pháp đề ra nhằm khắc phục những hạn chế của công tác QL DHPH, phát huy những ưu điểm của bản chất DHPH. Những biện pháp trên đều hướng tới mục đích chung là đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả QL, nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ GV, chăm lo cho đời sống GV, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tăng cường CSVC thiết bị; quan tâm đến đặc điểm tâm lý HS, để nâng cao chất lượng GD.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

a. Về lý luận

Trong thực tế GD đối tượng DH là HS thì không có sự phát triển ngang bằng về khả năng trí tuệ, về thể chất và các yếu tố khác tác động đến trình độ nhận thức, nghĩa là sự phát triển của mỗi người cũng như sự thể hiện và tác động của họ tới môi trường xã hội cũng như ở học đường là khác nhau.

Thực hiện DH ở các cấp học nói chung và DH ở trường THPT nói riêng, dù theo hình thức và phương pháp nào thì GV cũng cần sử dụng phương pháp sư phạm theo nguyên tắc chung, đồng thời cần chú ý áp dụng phương pháp thích hợp với từng HS. Trước đây gọi là nguyên tắc “*Dạy học vừa sức với học sinh*” tức là đã chú ý tới sự phân hóa, sau này có sự phân hóa sâu hơn, cao hơn, GV chú ý đến việc bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém, lập ra hệ thống các trường chuyên lớp chọn, đề ra phương án phân ban và phương án dạy tự chọn. Tất cả các phương án đó đều có chung một cơ sở là DH phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và điều kiện của HS, gọi chung là DPHP.

Tìm hiểu QL DPHP ở các trường THPT là quá trình nhà QL lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, tạo điều kiện để GV thực hiện tốt việc DH theo hướng “*Dạy tốt - Học tốt*”, trên cơ sở đó tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả giảng dạy của GV qua thực hiện nhiệm vụ và kết quả học tập của HS.

b. Về thực tiễn

Đáp ứng yêu cầu phát triển ngành GD&ĐT, trong thập niên cuối thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XIX cấp THPT của nước ta được định hình theo phương án phân ban với mục đích đáp ứng tốt hơn nhu cầu và đặc điểm tâm sinh lý khác nhau của HS. Tiếp đó chuyển dần từ DH phân ban đến DH theo sự phân hóa HS bằng phương án tự chọn là xu hướng phát triển tất yếu ở nước ta trong giai đoạn đổi mới GD hiện nay.

Thực trạng chất lượng giáo dục THPT hiện nay cho thấy, kết quả học tập của HS chưa tương xứng với yêu cầu xã hội và còn có sự chênh lệch giữa nhiều trường do mỗi trường có điều kiện, chất lượng đội ngũ GV, chất lượng tuyển sinh đầu vào, CSVC và TBDH khác nhau.

Công tác QLDH ở trường THPT trong huyện Ninh Giang hiện nay đã có những điểm đổi mới, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế và vẫn còn nhiều bất cập do cơ chế QL chưa tạo điều kiện để phát huy nội lực của từng trường.

c. Về đề xuất các biện pháp

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đã đề xuất 5 biện pháp QL DHPH, đó là: Nâng cao năng lực nhận thức, trách nhiệm và trình độ cho đội ngũ CBQL về công tác QL hoạt động DHPH; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chuyên môn và GV; tổ chức cho GV cam kết chất lượng DH; thường xuyên giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết chất lượng; tạo điều kiện hỗ trợ cho DHPH.

Những biện pháp đề xuất này đã bước đầu được áp dụng và được thực nghiệm. Trên thực tế cho thấy các biện pháp đều phù hợp và cần thiết và có tính khả thi cao. Nếu áp dụng tốt những biện pháp này sẽ từng bước nâng cao chất lượng dạy và học ở từng trường nói riêng và trên phạm vi toàn huyện nói chung, tạo động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới GD một cách căn bản và toàn diện theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng XI đã đề ra.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Sở GD & ĐT Hải Dương

- Tham mưu cho UBND tỉnh, cụ thể hoá chiến lược phát triển GD của Đảng và nhà nước thành các chính sách đối với sự phát triển GD&ĐT của địa phương và triển khai rộng khắp tới các cơ sở GD.

- Tạo điều kiện thuận lợi và có chế độ động viên, hỗ trợ đối với CBQL, GV được cử đi học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ.

- Tổ chức xây dựng điển hình về QL và nâng cao chất lượng GD. Tham quan, học tập, giao lưu giữa các trường để trao đổi kinh nghiệm QL nhà trường.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng CBQL, GV về DHPH và quản lý DHPH.

- Tăng cường và đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, đối với các cơ sở GD trong tỉnh, tập trung vào QL hoạt động dạy và học trong nhà trường.

- Có chính sách hỗ trợ CSVC, TBDH đối với những trường khu vực, những trường thực hiện công tác QL tốt.

2.2. Đối với cán bộ quản lý các trường THPT huyện Ninh Giang

- Không ngừng học tập để nâng cao trình độ, tiếp cận các mô hình hiện đại, khoa học về QL nhà trường.
- Thực hiện công tác QLGD toàn diện, có chất lượng, phát huy được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong nhà trường THPT.
- Có những chính sách động viên, khuyến khích, hỗ trợ GV học tập, nâng cao trình độ và các hoạt động phục vụ dạy và học trong nhà trường.
- Có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành GD.
- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên, có sự đổi mới, linh hoạt. Công tác QL bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS kém, hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường cần được quan tâm hơn nữa.
- Thực hiện tốt công tác xã hội hoá GD, nâng cao CSVC, TBDH nhà trường, tạo điều kiện cho mọi GV gắn bó với nhà trường, với nghề nghiệp.

2.3. Đối với các tổ chức, đoàn thể liên quan

- Có mối liên hệ thường xuyên và kết hợp với nhà trường thực hiện có hiệu quả các biện pháp QL hoạt động DH trong nhà trường.
- Tuyên truyền để mọi người nhận thức đầy đủ và đúng đắn về vai trò, vị trí, chất lượng của DPH trong nhà trường THPT hiện nay.
- Xây dựng kế hoạch và hoạt động của tổ chức trong nhà trường đều thống nhất và hỗ trợ hoạt động giáo dục nhà trường, nâng cao chất lượng dạy và học.
- Có nhiều hình thức hoạt động để cùng với nhà trường nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho GV và HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo (1997), *Một số khái niệm QLGD*, Trường CBQL-ĐTTW1, Hà Nội.
2. Phạm Khắc Chương (1992), “Jan-A một- nhà sư phạm lỗi lạc”, *Tạp chí nghiên cứu GD* (3), tr.15.
3. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Minh Hạc (1986), *Một số vấn đề GD và khoa học GD*, Nxb Giáo dục.
5. Nguyễn Kế Hào (Chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn (2004), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm.
6. Phùng Thị Hằng (2014), *Xây dựng văn hóa nhà trường*, ĐHSP – ĐH Thái Nguyên.
7. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thế Ngữ (1998), *Giáo dục học tập II*, Nxb Giáo dục.
8. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2011), *Quản lí các hoạt động giáo dục trong trường trung học*, ĐHSP - ĐH Thái Nguyên.
9. Phạm Văn Hy (2008), *Biện pháp quản lý hoạt động dạy học của Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Giáo dục, trường ĐHSP Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Lê (1997), *Khoa học quản lý nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Lê, Hà Thế Truyền (2004), *Một số kinh nghiệm về GD phổ thông và hướng nghiệp trên thế giới*, Nxb Đại học Sư phạm.
12. Luật giáo dục (2006), Nxb Chính trị quốc gia.
13. Hà Thế Ngữ (1984), “Chức năng quản lý và nội dung công tác quản lý của Hiệu trưởng”, *Tạp chí nghiên cứu giáo dục*, số 7.
14. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
15. Phòng giáo dục đào tạo huyện Ninh Giang: *Báo cáo tổng kết năm học*, 2014-2015.
16. Phòng văn hóa huyện Ninh Giang: *Báo cáo hoạt động văn hóa thể thao huyện Ninh Giang*, 2015
17. Phạm Hồng Quang (2012), *Một số vấn đề cơ bản về nghiên cứu khoa học giáo dục*, ĐHSP - ĐH Thái Nguyên.

18. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận QLGD*, Trường cán bộ QLGD-ĐT TƯ 1, Hà Nội.
19. Sở giáo dục & đào tạo Hải Dương (8/2015) - *Báo cáo tổng kết năm học 2014 - 2015*, Hội nghị tổng kết năm học.
20. Trần Quốc Thành (2002), *Khoa học quản lý đại cương*, Giáo trình dùng cho học viên cao học Quản lý giáo dục.
21. Trần Quốc Thành (2003), *Khoa học quản lý đại cương*, Đề cương bài giảng dành cho học viên cao học chuyên ngành QLGD, ĐHSP Hà Nội.
22. Tôn Thân, *Một số giải pháp thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phân hóa đề tài cấp bộ*, mã số B-2004-80-03.
23. Nguyễn Thị Tính (2014), *Lý luận chung về quản lý và quản lí giáo dục*, Nxb ĐH Thái Nguyên.
24. Trường Cán bộ quản lý giáo dục & đào tạo (1998), *Cán bộ quản lý giáo dục trước yêu cầu CNH - HĐH đất nước*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Hà Nội.
25. Trường THPT Ninh Giang, THPT Quang Trung, THPT Khúc Thừa Dụ, THPT Ninh Giang 2, THPT Hồng Đức: *Báo cáo tổng kết năm học*, 2014-2015.
26. Thái Duy Tuyên (1999), *Giáo dục học hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
27. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang (12/2014), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế- xã hội năm 2014 và nhiệm vụ những năm tiếp theo*.
28. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang (12/2015), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và nhiệm vụ những năm tiếp theo*.
29. Phạm Viết Vượng (2000), *Giáo dục học*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
30. Phạm Viết Vượng (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
31. Website: <http://www.haiduong.gov.vn/>
<http://www.google.com/>

PHỤ LỤC 2.1
Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ NHẬN THỨC CỦA CBQL
KHI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC PHÂN HÓA

I. Qua thực tế và kinh nghiệm xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nhận thức của CBQL khi xây dựng kế hoạch dạy học phân hóa bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Khảo sát để nắm được năng lực, nguyện vọng của HS						
2	Sắp xếp lớp học phù hợp với năng lực, nguyện vọng của HS						
3	Phân công GV chủ nhiệm, GV bộ môn phù hợp với đối tượng HS						
4	Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch DH phù hợp với từng lớp						
5	Chỉ đạo đội ngũ GV nắm được năng lực học tập của HS để xây dựng nội dung và PPDH phù hợp						
6	Chỉ đạo đội ngũ GV xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá HS phù hợp						
7	Có kế hoạch kiểm tra việc xây dựng kế hoạch DPHP của các tổ chuyên môn						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu trong phiếu theo đồng chí cần thêm những nội dung nào khi dạy học phân hóa?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.2

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA CBQL VỀ QUẢN LÝ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC PHÂN HÓA

I. Qua thực tế và kinh nghiệm xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về quản lý nội dung chương trình dạy học phân hóa bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Tổ chức cho GV nắm vững cấu trúc chương trình dạy học, chuẩn kiến thức kỹ năng ...						
2	Tổ chức cho GV thiết kế những chương trình dạy học chi tiết theo những hướng khác nhau dựa vào năng lực người học ...						
3	Chỉ đạo tổ chuyên môn thống nhất trong GV kế hoạch giảng dạy chi tiết cho từng bài, từng chương, từng học kỳ ...						
4	Chỉ đạo thiết lập các quy định của nhà trường về thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định đó.						
5	Chỉ đạo bố trí tiết học theo giờ học, buổi học, môn học hợp lý, khoa học.						
6	Kiểm tra và có biện pháp xử lý, điều chỉnh kịp thời khi thực hiện nhanh, chậm chương trình						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu trong phiếu theo đồng chí cần thêm những nội dung nào khi dạy học phân hóa?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.3
Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁO VIÊN VỀ TRỰC TRẠNG
GIẢNG DẠY PHÂN HÓA HIỆN NAY

I. Để có cơ sở xem xét, đánh giá về thực trạng dạy học phân hóa ở trường THPT hiện nay phục vụ cho việc quản lý dạy học phân hóa.

Xin đồng chí cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu x vào những ô tương ứng dưới đây mà đồng chí lựa chọn.

TT	Nội dung đánh giá	Nhận thức của GV			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
A	Bước 1: Điều tra đối tượng HS trước khi dạy						
1	Xác định được mức độ năng lực của HS (qua hồ sơ khảo sát ...)						
2	Khảo sát hứng thú của HS (thông qua phỏng vấn ...)						
3	Phát hiện phong cách học tập của HS.						
B	Bước 2: Lập kế hoạch dạy học, soạn bài dựa trên kiến thức nền của HS						
	Lập kế hoạch dạy học và thiết kế bài soạn dựa trên thang nhận thức của Bloom và phân thành 3 bậc.						
C	Bước 3: Sử dụng nhiều PPDH và phối hợp các hình thức trên lớp						
1	Kết hợp nhiều PPDH, phối hợp các hình thức hoạt động chung của tập thể và hoạt động nhóm						
2	Sử dụng các kỹ thuật dạy học phù hợp với nhu cầu của HS. HS được tạo cơ hội để thể hiện mình.						
D	Bước 4: Kiểm tra, đánh giá tiến bộ của HS trong giờ học và trong suốt quá trình học						
1	Căn cứ vào mục tiêu dạy học, GV xây dựng các hình thức kiểm tra để đánh giá ...						
2	Nhiệm vụ học tập được lập ra và điều chỉnh dựa trên số liệu đánh giá. HS được đánh giá theo các						

	cách khác nhau.						
E	Xây dựng mối quan hệ GV-HS, HS-HS						
1	GV-HS, HS-HS chấp nhận và tôn trọng nhau, tạo mối quan hệ dân chủ trong nhà trường.						
2	GV là người giúp HS trở thành người học tự tin vào chính mình						

II. Ngoài các nội dung nêu trên trong phiếu theo đồng chí khi dạy học phân hóa cần thêm những nội dung nào?

.....
.....
.....

Cuối cùng xin đồng chí vui lòng cho biết đôi điều về bản thân.

Họ và tên: Nam/nữ: Tuổi:

Trình độ đào tạo: Đơn vị công tác:

Thâm niên: + Số năm công tác:

+ Số năm quản lý:

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.4
Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ
VỀ QL KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

I. Qua thực tế và kinh nghiệm xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về việc kiểm tra đánh giá bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Phổ biến cho GV các văn bản quy định về chế độ kiểm tra, cho điểm, đánh giá xếp loại HS						
2	Chỉ đạo cải tiến đổi mới nội dung và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích yêu cầu, năng lực nhận thức của HS ...						
3	Chỉ đạo tổ chuyên môn kiểm tra đột xuất sổ điểm, bài kiểm tra, đề kiểm tra ...						
4	Chỉ đạo tổ chuyên môn phân công GV ra đề kiểm tra học kỳ đáp ứng yêu cầu dạy học phân hóa.						
5	Tổ chức kiểm tra, thi một cách nghiêm túc, dân chủ, công khai và công bằng.						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu trong phiếu theo đồng chí cần thêm những nội dung QL nào khi kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học phân hóa?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.5
Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA CBQL VỀ QUẢN LÝ
VIỆC PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY CHO GV

I. Qua thực tế và kinh nghiệm xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về việc phân công giảng dạy cho GV bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Theo năng lực, trình độ						
2	Theo nguyện vọng và đúng chuyên ngành đào tạo						
3	Theo đề nghị của tổ chuyên môn						
4	Phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị						

II. Ngoài các nội dung quản lý đã nêu, trong dạy học phân hóa theo đồng chí cần thêm những nội dung nào?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.6
Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA CBQL VỀ QUẢN LÝ
VIỆC SOẠN BÀI, CHUẨN BỊ LÊN LỚP CỦA GV

I. Qua thực tế và kinh nghiệm xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về QL việc soạn bài, chuẩn bị lên lớp của GV bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Đề ra những quy định cụ thể, thống nhất về việc soạn bài và chuẩn bị tiết dạy thực hiện dạy học phân hóa xuất phát từ tình hình thực tế của HS						
2	Chỉ đạo tổ chuyên môn thống nhất trong tổ về: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.						
3	Giao cho tổ chuyên môn lập kế hoạch kiểm tra giáo án của GV theo yêu cầu dạy học phân hóa thường xuyên, định kỳ.						
4	Dự giờ đánh giá soạn giảng qua bài dạy.						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu, trong dạy học phân hóa khi QL việc soạn bài, chuẩn bị lên lớp của GV theo đồng chí cần thêm những nội dung nào?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.7
Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA CBQL VỀ QUẢN LÝ
GIỜ LÊN LỚP CỦA GIÁO VIÊN

I. Qua thực tế và kinh nghiệm xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về QL giờ lên lớp của GV bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Chỉ đạo xây dựng tiêu chuẩn giờ lên lớp thể hiện dạy học phân hóa.						
2	Quản lý giờ dạy thông qua thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy chi tiết, sổ báo giảng, sổ ghi đầu bài.						
3	Tổ chức dự giờ định kỳ, đột xuất và có rút kinh nghiệm.						
4	Xây dựng nên nếp giảng dạy của GV khi dạy học phân hóa.						
5	Chỉ đạo sử dụng kết quả thực hiện nền nếp trong đánh giá, xếp loại thi đua của GV.						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu, trong dạy học phân hóa khi QL giờ lên lớp của GV theo đồng chí cần thêm những nội dung nào?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.8
Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ
VỀ QL SINH HOẠT TỔ CHUYÊN MÔN VÀ HỒ SƠ CHUYÊN MÔN

I. Qua thực tế và kinh nghiệm xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về việc QL sinh hoạt tổ chuyên môn và hồ sơ chuyên môn bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Chỉ đạo xây dựng tiêu chuẩn hồ sơ chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học phân hóa.						
2	Chỉ đạo tổ chuyên môn lập kế hoạch, xây dựng nội dung sinh hoạt tổ nhóm đáp ứng yêu cầu dạy học phân hóa.						
3	Yêu cầu tổ trưởng chuyên môn báo cáo thường xuyên nội dung, kết quả hoạt động chuyên môn của tổ						
4	Khen thưởng, động viên kịp thời GV có đầy đủ hồ sơ chuyên môn đề ra, đảm bảo chất lượng hồ sơ.						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu trong phiếu theo đồng chí cần thêm những nội dung QL nào khi QL sinh hoạt tổ chuyên môn và hồ sơ chuyên môn trong dạy học phân hóa?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.9
Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ
VỀ QL HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

I. Qua thực tế và kinh nghiệm xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về việc QL hoạt động học của HS bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Chỉ đạo GVCN lớp xây dựng nề nếp, giáo dục ý thức, động cơ thái độ và phương pháp học tập cho HS						
2	Chỉ đạo GVCN, kết hợp với GV bộ môn và Đoàn thanh niên giám sát nề nếp tự học của HS.						
3	Động viên, giúp đỡ, khen thưởng và kỷ luật kịp thời, công bằng để kích thích tinh thần, thái độ học tập của HS.						
4	Quan tâm việc tổ chức hướng dẫn phương pháp học tập, rèn cho HS kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.						
5	Tổ chức bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu trong phiếu theo đồng chí cần thêm những nội dung QL nào khi QL hoạt động học tập nào trong dạy học phân hóa?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.10
Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ
VỀ QL VIỆC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC PHÂN HÓA

I. Qua thực tế và kinh nghiệm xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về việc QL kiểm tra đánh giá DHPH bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Xác định trách nhiệm của CBQL trong việc kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ của GV						
2	Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra làm cơ sở kiểm tra, đánh giá, xếp loại GV						
3	Đánh giá xếp loại GV dựa trên kết quả kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của GV						
4	Có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất GV						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu trong phiếu theo đồng chí cần thêm những nội dung QL nào khi QL hoạt động học tập nào trong dạy học phân hóa?

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.11
Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ
VỀ QL CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG HỌC

I. Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về việc QL cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bằng cách đánh dấu x vào những nội dung quản lý dưới đây mà đồng chí lựa chọn:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Có kế hoạch trang bị CSVC trường học như phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng đa năng, đồ dùng dạy học ...						
2	Cung cấp đầy đủ các điều kiện thiết yếu để GV thực hiện đổi mới PP giảng dạy và HS đổi mới PP học tập và NCKH.						
3	Khuyến khích GV sáng tạo, thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học tự làm.						
4	Yêu cầu tổ chuyên môn xây dựng quy trình sử dụng phương tiện dạy học cho từng môn.						
5	Chỉ đạo tổ chuyên môn kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của GV.						
6	Bồi dưỡng nghiệp vụ QL, sử dụng đồ dùng DH cho CBQL thiết bị và GV.						
7	Đầu tư đồng bộ, kiểm tra đánh giá, quản lý sử dụng CSVC.						
8	Kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của GV dựa vào sổ đăng ký sử dụng đồ dùng DH, báo cáo của nhân viên QL thiết bị thí nghiệm; phản ánh của HS.						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu trong phiếu theo đồng chí cần thêm những nội dung QL nào?

.....
.....

III. Để thực hiện các giải pháp quản lý CSVN, TBDH ở trường có hiệu quả, các đồng chí có thêm những ý kiến đề xuất gì?

.....
.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.12
Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ
VỀ THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM
VÀ QL MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM Ở TRƯỜNG THPT HIỆN NAY

I. Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về thực trạng môi trường sự phạm và QL môi trường sự phạm ở trường bằng cách đánh dấu x vào cột lựa chọn dưới đây:

TT	Nội dung	Nhận thức của CBQL			Mức độ thực hiện		
		Rất cần	Cần thiết	Không cần thiết	Đã thực hiện tốt	Đã làm nhưng chưa tốt	Chưa làm
1	Tạo môi trường dân chủ trong nhà trường trên cơ sở những nội quy, quy định, quy chế ...						
2	Tăng cường quyền chủ động của nhà trường, tạo điều kiện thu nhập cho GV, CNV ...						
3	Phát huy các mối quan hệ bên trong nhà trường; huy động CBGV, HS, phụ huynh HS tham gia quản lý nhà trường, xây dựng môi trường sự phạm thân thiện, HS tích cực.						
4	Tăng cường CSVC, xây dựng nhà trường xanh – sạch – đẹp – an toàn.						
5	Phối hợp thực hiện tốt giữa ba môi trường giáo dục: nhà trường – gia đình – xã hội.						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu trong phiếu theo đồng chí cần thêm những nội dung nào?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 2.13
Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ
VỀ MỨC ĐỘ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA
CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT

I. Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp bằng cách đánh dấu x vào cột lựa chọn dưới đây:

TT	Nội dung	Ý kiến đánh giá					
		Sự cần thiết			Tính khả thi		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
1	Nâng cao năng lực nhận thức, trách nhiệm và trình độ cho CBQL, GV và các lực lượng về DHPH.						
2	Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ CM và GV khi thực hiện DHPH						
3	Tổ chức cho GV cam kết chất lượng DH						
4	Thường xuyên giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết chất lượng của GV.						
5	Xây dựng các điều kiện hỗ trợ DHPH						

II. Ngoài các nội dung quản lý nêu trong phiếu theo đồng chí cần thêm những nội dung nào?

.....

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!